



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng, TP. Hà Nội

MSDN: 2800799804

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 01/2026/GMH-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

GIẤY MỜI HỌP

V/v: Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (“VCP Holdings”) trân trọng kính mời Quý vị cổ đông đến tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty như sau:

- ❖ **Thời gian:** 10h00 ngày 11 tháng 5 năm 2026 (Thứ hai).
- ❖ **Địa điểm:** Hội trường Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện.

Thôn Trung Chính, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- ❖ **Thành phần tham dự:** Tất cả các cổ đông có tên trong Sổ cổ đông của Công ty chốt danh sách ngày 15/4/2026. Quý vị cổ đông nào không thể đến tham dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền phải được lập thành văn bản (theo mẫu của Công ty gửi kèm theo Giấy mời). Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.
- ❖ **Chương trình và các tài liệu họp Đại hội:** Đề nghị Quý vị cổ đông xem và tham khảo tại địa chỉ website Công ty: <http://www.vcpholdings.com.vn> (Mục Quan hệ cổ đông).
- ❖ **Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:**

Đề nghị Quý vị cổ đông gửi Giấy xác nhận tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty chậm nhất là trước **17h00 ngày 08/5/2026**. Ban Tổ chức sẽ căn cứ vào danh sách đăng ký tham dự tại **thời điểm 17h00 ngày 08/5/2026** để chuẩn bị chỗ ngồi, phòng họp đảm bảo khoảng cách và các công tác hậu cần cần thiết. Việc đăng ký tham dự và/hoặc ủy quyền dự họp cần được thông báo trước về Công ty qua điện thoại và/hoặc E-mail của người phụ trách của Bộ phận quan hệ cổ đông dưới đây:

Bộ phận Quan hệ cổ đông - Ban Tài chính Kế hoạch, Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, địa chỉ: Tầng 19 - Tòa nhà VINACONEX, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội.

Số Fax: 0246.2699977

Email: binh.nguyenvan@vcpholdings.com.vn

Trong trường hợp, Quý Cổ đông không thể tham dự Đại hội và không lựa chọn được người đại diện phù hợp để ủy quyền, Ban Tổ chức gợi ý Quý Cổ đông có thể ủy quyền cho các cá nhân sau:

- (1) Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty
- (2) Ông Phạm Văn Minh – Phó Chủ tịch TT HĐQT - Tổng Giám đốc
- (3) Ông Trịnh Nguyên Khánh – TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc

Khi đến tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền vui lòng mang theo

những giấy tờ sau để làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội:

- (1) Thông báo mời họp này;
- (2) Căn cước công dân/Hộ chiếu của cá nhân của người tham dự;
- (3) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập của tổ chức (nếu là tổ chức);
- (4) Giấy ủy quyền nếu Người dự họp là Người được cổ đông ủy quyền (đối với tổ chức nếu không phải là Đại diện theo pháp luật/ Người đại diện quản lý vốn góp của cổ đông tổ chức tham dự trực tiếp thì phải có Giấy ủy quyền).

* **Lưu ý khác:**

- Trong suốt quá trình tham dự Đại hội, Quý Cổ đông hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các quy định về an toàn, trật tự tại nơi dự họp theo yêu cầu của Ban Tổ chức Đại hội.
- Quý vị cổ đông cần thêm thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ: Bộ phận Quan hệ cổ đông Công ty theo số điện thoại sau: 0246.2699988 (Máy lẻ: 122) gặp **Ông Nguyễn Văn Bình**.
- Mọi chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí khác do cổ đông tự chi trả.

Rất mong Quý vị cổ đông đăng ký dự họp đầy đủ và đến đúng thời gian quy định để Đại hội đạt được kết quả tốt đẹp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu VT, HĐQT. 

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY 



Vũ Ngọc Tú



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN/ỦY QUYỀN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

**Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026
Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP**

- Tên cổ đông.....
- Địa chỉ:.....
- CCCD/Giấy CNĐKKD số:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....
- Sở hữu/đại diện số cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/1CP) là:.....cổ phần.
- Bằng chữ:.....

Tôi xác nhận rằng:

1. ☐ Đồng ý tham dự Đại hội
2. ☐ Đồng ý ủy quyền cho Ông/Bà dưới đây:
 - Họ và tên người được ủy quyền:.....
 - Địa chỉ:.....
 - Giấy CMND/Hộ chiếu số/CCCD:.....cấp ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Hoặc ủy quyền cho một trong các ông có tên sau:

- ☐ Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty
- ☐ Ông Phạm Văn Minh - Phó Chủ tịch TT HĐQT – Tổng Giám đốc
- ☐ Ông Trịnh Nguyên Khánh - TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc

3. Nội dung ủy quyền:

- Được thay mặt Người ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tổ chức vào ngày 11/5/2026 và có toàn bộ quyền hạn đại diện cho số cổ phần Người ủy quyền sở hữu để quyết định các vấn đề thuộc nội dung Đại hội.
- Người được ủy quyền có trách nhiệm chấp hành các quy định của Ban tổ chức Đại hội, không được ủy quyền lại cho người khác và có trách nhiệm thông báo lại các nội dung của Đại hội cho Người ủy quyền biết.

4. Trách nhiệm và thời hạn ủy quyền:

- Việc ủy quyền trên đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Công ty và của pháp luật.
- Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, đóng dấu nếu là tổ chức)



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng, TP. Hà Nội

MSDN: 2800799804

Website: vcpholdings.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- ❖ Thời gian: 10h00 - 11h30 ngày 11 tháng 5 năm 2026 (Thứ hai)
- ❖ Địa điểm: Tầng 3, Khu nhà điều hành các công trình thủy điện, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian	Nội dung
09h30 - 10h00	Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp và phát tài liệu họp
10h00 - 10h15	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.- Giới thiệu, thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban bầu cử, kiểm phiếu biểu quyết.
10h15 - 10h30	Thông qua Chương trình và Quy chế làm việc tại Đại hội.
10h30 - 11h00	<ol style="list-style-type: none">1. Báo cáo của HĐQT về kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 20262. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 20263. Báo cáo hoạt động của TV HĐQT độc lập năm 20254. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch năm 20265. Tờ trình của HĐQT về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 20266. Tờ trình của HĐQT về việc phân phối lợi nhuận năm 20257. Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 20258. Tờ trình của BKS về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 20269. Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Báo cáo kiểm toán về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP
11h00 - 11h10	Đại hội thảo luận hoặc nghỉ giải lao
11h10 - 11h15	Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông điền phiếu biểu quyết các nội dung trình Đại hội và tiến hành kiểm phiếu

Thời gian	Nội dung
11h15 – 11h20	<p>Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã trình bày tại Đại hội.</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động SXKD năm 2025 và kế hoạch SXKD năm 2026 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2025 và nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm 2026 3. Báo cáo hoạt động của TV HĐQT độc lập năm 2025 4. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 5. Tờ trình phê duyệt Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025 6. Tờ trình của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 7. Tờ trình của HĐQT về thù lao cho HĐQT, BKS năm 2026 8. Tờ trình của HĐQT về phân phối lợi nhuận năm 2025 9. Tờ trình của HĐQT về việc thông qua Báo cáo kiểm toán về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP
11h20 - 11h25	Trình bày dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội
11h25 – 11h30	<p>- Biểu quyết thông qua dự thảo Biên bản và Nghị quyết của Đại hội.</p> <p>- Bế mạc Đại hội.</p>

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 5 năm 2026

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Mục tiêu của Quy chế:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội như sau:

I. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI

1. Cổ đông khi vào phòng đại hội phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội hướng dẫn. Tuân thủ việc sắp xếp vị trí chỗ ngồi của Ban tổ chức.
2. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tắt cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc để chế độ không đổ chuông.
3. Các cổ đông/đại diện cổ đông có trách nhiệm tham dự Đại hội cổ đông từ khi bắt đầu đại hội cho đến khi kết thúc đại hội. Trong trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông nào vì lý do bất khả kháng phải rời khỏi cuộc họp trước khi kết thúc Đại hội thì cổ đông/đại diện cổ đông đó có trách nhiệm liên hệ với Ban Tổ chức để gửi ý kiến bằng văn bản của mình về những vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội. Trường hợp cổ đông/đại diện cổ đông rời cuộc họp trước khi kết thúc đại hội mà không thông báo với Ban Tổ chức thì cổ đông đó coi như đã đồng ý với tất cả những vấn đề sẽ được biểu quyết thông qua tại Đại hội.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện trên [50%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng [ba mươi (30)] ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông



triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp (trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền) đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng [ba mươi (30)] phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng [hai mươi (20)] ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội. Mỗi cổ đông được cấp một Thẻ biểu quyết và một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi Mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (*sở hữu và/hoặc ủy quyền*) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

2. Cách biểu quyết:

2.1. Cách thức biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết (Tán thành, Không tán thành, có ý kiến khác) một vấn đề bằng cách biểu quyết trực tiếp tại Đại hội.
- Khi biểu quyết “Tán thành” một vấn đề được Đại hội đưa ra, các cổ đông “Tán thành” thì giơ Thẻ biểu quyết lên cao. Thành viên Tổ kiểm phiếu biểu quyết sẽ đánh dấu Mã số tham dự và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “Tán thành” trên Thẻ biểu quyết.
- Tương tự, theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, các cổ đông “Không tán thành”, “Có ý kiến khác” sẽ lần lượt giơ Thẻ biểu quyết.

2.2. Cách thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách chỉ đánh dấu “x” hoặc “√” các ô “Tán thành” hoặc “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến”.
- Cổ đông đánh dấu “x” hoặc “√” đồng thời cả 2 hoặc 3 ô “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” cùng một nội dung thì nội dung biểu quyết đó là không hợp lệ.
- Cổ đông để trống không đánh dấu “x” hoặc “√” vào ô “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” thì được coi không có ý kiến về nội dung đó.
- Các phiếu sau được coi là không hợp lệ:
 - + Phiếu không do Công ty phát hành (không có dấu của Công ty trên phiếu biểu quyết).
 - + Phiếu tẩy xóa và ghi thêm nội dung biểu quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu.
 - + Phiếu biểu quyết không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến: Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Tổ chức lại, giải thể Công ty được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

IV. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI

1. Nguyên tắc:

- Cổ đông tham dự Đại hội phát biểu ý kiến thảo luận tiến hành đăng ký nội dung phát biểu theo mẫu Phiếu đăng ký phát biểu của Ban Tổ chức hoặc ghi cao Thẻ Biểu quyết đề nghị phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa. Mẫu đăng ký phát biểu sẽ được phát cho từng cổ đông khi đến dự Đại hội. Cổ đông nộp Phiếu đăng ký phát biểu tại Ban Thư ký Đại hội trong quá trình Đại hội hoặc trong giờ nghỉ giải lao. Để đảm bảo trật tự của Đại hội khi thảo luận, những cổ đông đăng ký phát biểu theo Mẫu đăng ký sẽ được ưu tiên phát biểu trước sau đó lần lượt các cổ đông ghi Thẻ Biểu quyết sẽ phát biểu theo sự sắp xếp của Chủ tọa.

2. Cách thức phát biểu:

Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Chủ tọa sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông. Chủ tọa Đại hội có quyền nhắc nhở hoặc đề nghị cổ đông tập trung vào nội dung trọng tâm cần phát biểu để tiết kiệm thời gian và đảm bảo chất lượng thảo luận.

V. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỌA

1. Điều khiển đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
3. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
4. Chủ tọa có quyền:
 - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
 - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.
- Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

6. Giải quyết các vấn đề nảy sinh khác trong suốt quá trình Đại hội.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA THƯ KÝ ĐẠI HỘI

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.
2. Soạn thảo Biên bản họp Đại hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

VII. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT

1. Tham gia đón tiếp và hướng dẫn bố trí chỗ ngồi cho cổ đông.
2. Xác định kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại Đại hội.
3. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
4. Tổ chức kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông.
5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

VIII. BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Tất cả các nội dung tại Đại hội cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua./.



Vũ Ngọc Tú

Số: 01/2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2025 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026****Kính gửi: Quý Cổ đông**

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và đề xuất phương hướng nhiệm vụ năm 2026, cụ thể như sau:

A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:**I. HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN:**

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt kết quả tích cực và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Tổng sản lượng điện sản xuất tại Nhà máy Cửa Đạt đạt 592 triệu kWh, bằng 139% kế hoạch năm, phản ánh công tác vận hành các nhà máy ổn định, hiệu quả. Trên cơ sở đó, tổng doanh thu và thu nhập của VCP đạt 522 tỷ đồng, tương đương 134% kế hoạch, trong đó doanh thu bán điện đạt 429,07 tỷ đồng.

Tổng chi phí thực hiện trong năm là 279,41 tỷ đồng, bằng 107% kế hoạch, chủ yếu do chi phí lãi vay tăng theo cơ cấu vốn đầu tư của các dự án. Mặc dù chi phí có tăng so với kế hoạch, song nhờ sản lượng phát điện cao và doanh thu tăng trưởng tốt, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 242,88 tỷ đồng, tương đương 188% kế hoạch. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp 36,54 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 206,05 tỷ đồng, bằng 199,59% kế hoạch năm.

II. HOẠT ĐỘNG BẢO TRÌ, BẢO DƯỠNG MÁY MÓC THIẾT BỊ:

- Đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, an toàn vệ sinh lao động hiệu quả.
- Công tác sửa chữa bảo dưỡng thiết bị đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp các tổ máy phát điện của các nhà máy đảm bảo vận hành an toàn, ổn định, tin cậy, đạt hiệu suất, đáp ứng yêu cầu hệ thống điện. Với kinh nghiệm sửa chữa các tổ máy hàng năm, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã chủ động phối hợp các nhà máy trong hệ thống VCP HOLDINGS chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị thay thế, bố trí đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, dụng cụ thi công phù hợp cho công tác sửa chữa, nhằm đảm bảo hoàn thành công tác đúng tiến độ và trước kế hoạch đề ra.

Năm 2025, Công ty Cổ phần Cơ điện VCP đã phối hợp cùng các nhà máy trong hệ thống bảo trì, sửa chữa và khắc phục các sự cố trong quá trình vận hành với các hạng mục tiêu biểu như sau:

- Tiểu tu tổ máy H1, H2, H3 thiết bị phụ trợ NMTĐ Nậm La: tháng 01- 02/2025
- Tiểu tu tổ máy H1, H2, và thiết bị phụ trợ NMTĐ Tắt Ngoắt: tháng 5/2025
- Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Cửa Đạt: tháng 2-3/2025
- Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Đắk Glun: tháng 4/2025
- Tiểu tu tổ máy H1, H2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Xuân Minh: tháng 7-8/2025
- Tiểu tu tổ máy H1-T1, H2-T2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Bái Thượng: tháng 8/2025
- Tiểu tu tổ máy H1, H2 và thiết bị phụ trợ NMTĐ Đắk Robaye: tháng 7/2025

III. HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH:

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai các hoạt động tài chính, huy động vốn nhằm mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty và hệ thống VCP Holdings, cụ thể:

1. Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu để mua cổ phần Công ty Cổ phần Linh Linh:**a. Thông tin Công ty Cổ phần Linh Linh:**

- Tên Công ty: Công ty CP Thủy điện Linh Linh
- Vốn điều lệ: 160 tỷ đồng
- Sở hữu của VCP: 51% vốn điều lệ
- Lĩnh vực hoạt động: Vận hành phát điện Nhà máy Thủy điện Nậm Khóa 3
- Địa chỉ nhà máy: Xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai

- Công suất Nhà máy: 28MW
- Sản lượng thiết kế: 106,59 triệu KWh/năm

b. Thông tin cơ bản trái phiếu.

- + Mã Trái Phiếu: 12501
- + Khối lượng phát hành: Dự kiến chào bán 5.000 (*năm nghìn*) Trái Phiếu tương đương với tổng mệnh giá các Trái Phiếu là 500.000.000.000 VND (*năm trăm tỷ Đồng*).
- + Mệnh giá Trái Phiếu: 100.000.000 VND (*một trăm triệu Đồng*)/Trái Phiếu.
- + Kỳ hạn Trái Phiếu: 36 (*ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày phát hành Trái Phiếu.
- + Loại tiền tệ phát hành và thanh toán: Đồng Việt Nam (VND).
- + Hình thức Trái Phiếu: Bút toán ghi sổ.
- + Loại hình Trái Phiếu: Trái Phiếu là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.
- + Ngày phát hành dự kiến: Ngày 25 tháng 12 năm 2025.
- + Ngày đáo hạn: ngày tròn 36 (*ba mươi sáu*) tháng kể từ ngày phát hành của Trái Phiếu ("**Ngày Đáo Hạn**").
- + Hình thức chào bán: Phát hành riêng lẻ theo quy định của Luật Chứng khoán, Nghị Định 153, Nghị định 65 và Nghị định 08.
- + Giá chào bán: 100% mệnh giá Trái Phiếu.
- + Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán và Đại lý phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCBS)

c. Mục đích phát hành trái phiếu

Dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho mục đích thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Công ty. Cụ thể, toàn bộ số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu sẽ được dùng để mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành nhằm sở hữu lên đến 51% vốn điều lệ (tương đương với 816.000 (tám trăm mười sáu nghìn) cổ phần của Công ty Cổ phần Linh Linh) từ (các) cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Linh Linh. Công ty Cổ phần Linh Linh là chủ đầu tư thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Nậm Khứa 3 tại xã Nậm Xé, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai (nay là thôn Ta Náng, xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai), có công suất thiết kế là 28MW và đã đi vào vận hành thương mại theo công suất thiết kế năm 2023.

d. Lãi suất Trái phiếu là lãi suất cố định ("Lãi Suất**") được áp dụng như sau:**

- Lãi Suất cố định áp dụng cho 02 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên là: 10% (mười phần trăm)/năm;
- Lãi Suất cố định áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo sau 02 Kỳ Tính Lãi đầu tiên là: 10,20% (mười phẩy hai phần trăm)/năm

e. Biện pháp bảo đảm cho Trái phiếu:

Trái Phiếu được bảo đảm bởi các tài sản thuộc sở hữu của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba ("**Tài Sản Bảo Đảm**"). Trái Phiếu được bảo đảm bởi các Tài Sản Bảo Đảm cụ thể như sau: 39.223.482 (*ba mươi chín triệu hai trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi hai*) cổ phần ("**Cổ Phần Bảo Đảm Ban Đầu**") thuộc sở hữu của Bên Bảo Đảm đang đăng ký giao dịch tại hệ thống giao dịch UPCOM với mã chứng khoán "VCP",

f. Báo cáo kết quả phát hành và sử dụng nguồn tiền từ phát hành trái phiếu.**❖ Kết quả phát hành trái phiếu VCP 12501**

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt theo nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt phương án chào bán và phát hành trái phiếu riêng lẻ, chi tiết như sau:

- Ngày phát hành: 25/12/2025
- Tổng số lượng trái phiếu đã phát hành: 5.000 trái phiếu
- Mệnh giá: 100.000.000 đồng/trái phiếu

- Tổng số tiền đã thu được từ việc phát hành: 500.000.000.000 đồng

❖ **Báo cáo sử dụng nguồn tiền từ phát hành trái phiếu.**

Căn cứ mục đích phát hành đã được HĐQT phê duyệt và bản Công bố thông tin (OC) công bố ngày 17/12/2025, Tổ chức phát hành đã sử dụng nguồn tiền từ phát hành trái phiếu đúng mục đích đã được phê duyệt, cụ thể:

- + Ngày 27/3/2026 Công ty đã thực hiện giao dịch mua 816.000 cổ phần của Công ty cổ phần Linh Linh (Chiếm 51% vốn điều lệ Công ty cổ phần Linh Linh),
- + Giá trị chuyển nhượng: 545.700.000.000 đồng, trong đó:
 - Nguồn tiền từ phát hành trái phiếu: 500.000.000.000 đồng
 - Nguồn vốn tự có: 45.700.000.000 đồng.

Công ty đã nhận bàn giao và trực tiếp vận hành Nhà máy thủy điện Nậm Khóa 3 từ ngày 28/3/2026.

2. Báo cáo công tác huy động vốn vay dài hạn tại ngân hàng TMCP Quân Đội- chi nhánh Điện Biên Phủ, mục đích giải ngân: M&A dự án Đaklô 1-3:

a. Thông tin dự án Đaklô 1-3:

- Tên công ty: Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3
- Mã số thuế: 6101262002
- Địa điểm: Thôn Điek Tem, Xã Kon Plông, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 sở hữu 2 nhà máy: Nhà máy thủy điện Đak Lô 1 và nhà máy thủy điện Đak Lô 3.

❖ **Nhà máy Thủy điện Đak Lô 1:**

- Vị trí nhà máy: Xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Công suất lắp máy: 12 MW
- Số tổ máy: 2
- Sản lượng điện thiết kế: 38,1 triệu kWh/năm
- Tổng mức đầu tư: 426,6 tỷ đồng
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý I/2027

❖ **Nhà máy Thủy điện Đak Lô 3:**

- Vị trí nhà máy: Xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
- Công suất lắp máy: 22 MW
- Số tổ máy: 2
- Sản lượng điện thiết kế: 71,5 triệu kWh/năm
- Tổng mức đầu tư: 787,65 tỷ đồng
- Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý II/2028

b. Báo cáo công tác vay vốn tại ngân hàng TMCP Quân Đội- chi nhánh Điện Biên Phủ.

Căn cứ nghị quyết HĐQT số 11/NQ-HĐQT ngày 08/12/2025 về việc "phê duyệt phương án đầu tư công ty TNHH thủy điện Đaklô 1-3 và thông qua vay vốn, đảm bảo cấp tín dụng và ủy quyền cho ngân hàng TMCP Quân đội- chi nhánh Điện Biên Phủ" Công ty đã thực hiện giải ngân M&A dự án Đaklô 1-3 cụ thể:

- + Hạn mức vay: 400.000.000.000 đồng
- + Thời hạn vay: 108 tháng

+ Lãi suất: Áp dụng lãi suất có điều chỉnh.

+ Tài sản đảm bảo:

- Tài sản 1: Toàn bộ dự án, tài sản thuộc dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt tại Xã Xuân Mỹ, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc đầu tư hồ chứa nước Cửa Đạt, tỉnh Thanh Hoá.
- Tài sản 2: Quyền đòi nợ bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ các khoản nợ, khoản phải thu, khoản được nhận thanh toán, hoàn trả, tiền lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, thụ hưởng bảo hiểm, bảo lãnh và các quyền lợi khác phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện Nhà máy thủy điện Cửa Đạt số 06/2012/HD-NMD-CỬA ĐẠT ngày 08/06/2012 và các phụ lục kèm theo (nếu có) giữa VCP và Tập đoàn điện lực Việt Nam.
- Tài sản 3: Toàn bộ phần vốn góp cùng các quyền, quyền lợi và lợi ích, các khoản bồi thường, các khoản thanh toán khác phát sinh từ 99,55% phần vốn góp của VCP tại Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh.

+ Thời gian giải ngân (M&A) dự án: 11/12/2025

+ Giá trị đầu tư: 496.350.000.000 đồng (chiếm 99,27% Vốn điều lệ Công ty Đaklô 1-3), trong đó:

- Giá trị vốn vay tại ngân hàng TMCP Quân đội- chi nhánh Điện Biên phủ: 400.000.000.000 đồng
- Giá trị vốn tự có: 96.350.000.000 đồng

3. Đánh giá chung:

Các hoạt động tài chính và huy động vốn được triển khai đúng mục đích, đúng thẩm quyền, đảm bảo an toàn tài chính và phục vụ hiệu quả chiến lược mở rộng đầu tư năng lượng của Công ty.

IV. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ:

1. Công tác hoạt động sản xuất điện toàn hệ thống:

TT	Nhà máy	Công suất MW	Thực hiện 2024		Thực hiện 2025		Đơn vị tính: đồng	
			Sản lượng	Doanh thu	Sản lượng	Doanh thu	Tỷ lệ thực hiện 2025/2024	
							Sản lượng	D.thu
1	Cửa Đạt	97	443.483.480	416.927.737.882	591.418.950	429.065.239.830	133,35%	102,91%
2	Xuân Minh	15	62.266.698	71.374.242.187	73.990.000	80.494.509.761	118,82%	112,77%
3	Bái Thượng	6	24.001.248	26.996.834.317	30.523.729	32.314.196.997	127,17%	119,69%
4	Nậm La	27	119.373.361	133.787.065.142	139.465.547	148.035.736.588	116,83%	110,65%
5	Tắt Ngoắt	7	19.594.598	21.086.182.168	20.253.573	22.577.761.925	103,36%	107,07%
6	Đăkglun	18	64.189.843	62.156.002.512	80.652.498	74.511.966.857	125,64%	119,87%
7	Đăk Robaye	10	24.367.135	22.554.605.902	51.699.133	56.983.995.816	212,16%	252,64%
8	Điện rác NSX	6	22.613.831	55.064.831.634	21.582.973	54.318.542.410	95,44%	98,64%

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống VCP Holdings đạt kết quả tích cực, hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt kế hoạch đề ra, cho thấy hiệu quả vận hành các dự án điện và công tác quản trị doanh nghiệp được cải thiện rõ rệt.

Tổng sản lượng điện hợp nhất đạt 1.009 triệu kWh, vượt 32% kế hoạch năm (kế hoạch 762,1 triệu kWh). Sản lượng tăng cao chủ yếu nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi và các nhà máy vận hành ổn định, góp phần nâng cao hiệu suất khai thác và tối ưu công suất phát điện.

Tổng doanh thu và thu nhập hợp nhất đạt 2.341,1 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch năm. Trong đó, doanh thu bán điện đạt 898,3 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch, phản ánh sản lượng điện phát tăng so với kế hoạch và việc khai thác hiệu quả thị trường điện. Các khoản doanh thu và thu nhập khác cũng đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của hệ thống.

Tổng chi phí hợp nhất trong năm là 1.799,6 tỷ đồng, tương đương 124% kế hoạch. Chi phí tăng chủ yếu do chi phí vận hành, tài chính và các chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư – khai thác dự án trong hệ thống. Tuy nhiên, mức tăng chi phí vẫn nằm trong khả năng kiểm soát và phù hợp với quy mô hoạt động tăng lên của doanh nghiệp.

Nhờ doanh thu tăng trưởng tốt, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 541,48 tỷ đồng, vượt 37% kế hoạch. Sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp 60,37 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 481,10 tỷ đồng, tương đương 137% kế hoạch năm.

Nhìn chung, kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2025 cho thấy xu hướng tăng trưởng tích cực và bền vững của toàn hệ thống, tạo nền tảng tài chính vững chắc để VCP Holdings tiếp tục triển khai các dự án năng lượng, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao hiệu quả đầu tư trong các năm tiếp theo.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty con:

2.1 Công ty cổ phần Thủy điện Nậm La: (Nhà máy Thủy điện Nậm La 27 MW và Nhà máy thủy điện Tắt Ngoẵng 7MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	131.685.447	159.719.120	121,29 %
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	235.241.363.055	195.717.254.547	83,20 %
3	Tổng chi phí	đồng	110.502.458.874	106.702.797.951	96,56 %
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	124.738.904.181	89.014.456.596	71,36 %
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	109.951.549.249	84.809.547.435	77,13 %
6	Cổ tức	%	10	15	

2.2 Công ty cổ phần Thủy điện Xuân Minh (Nhà máy thủy điện Xuân Minh 15MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	60.178.673	73.990.000	123%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	70.673.546.887	80.741.697.718	114%
3	Tổng chi phí	đồng	51.751.396.020	51.678.371.660	100%
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	18.922.150.867	29.063.326.058	154%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	17.972.150.867	27.784.721.681	155%
6	Cổ tức	%	9-10	10	100%

2.3 Công ty cổ phần Thủy điện Bái Thượng (Nhà máy thủy điện Bái Thượng 6MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	23.605.530	30.523.729	129,31

2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	26.121.118.542	32.314.901.926	123,71
3	Tổng chi phí	đồng	19.342.577.796	19.604.110.057	101,35
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	6.778.540.746	12.710.791.869	187,52
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.100.686.671	12.072.595.616	197,89
6	Cổ tức	%	7-8	10	

2.4 Công ty cổ phần Thiết bị phụ tùng Sài Gòn (Nhà máy thủy điện Đắk Glun 18MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	64.561.500	80.662.520	124,94%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	72.284.209.173	83.253.711.422	115,18%
3	Tổng chi phí	đồng	60.554.116.418	55.798.119.880	92,15%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	11.730.092.755	27.455.591.542	234,06%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	9.384.074.204	13.101.053.579	139,61%
6	Cổ tức	%	4	5	

2.5 Công ty TNHH Thủy điện Đắk Robaye (Nhà máy thủy điện Đắk Robaye 10MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng	kwh	40.814.504	51.699.133	128%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	48.932.175.716	56.983.995.816	123%
3	Tổng chi phí	đồng	41.745.942.532	49.525.359.248	120%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	7.186.233.185	7.458.636.568	104%
5	Lợi nhuận sau thuế	đồng	6.876.672.185	7.159.436.568	104%
6	Cổ tức	%	0	1.6	

2.6 Công ty TNHH môi trường Ngôi sao xanh (Nhà máy điện rác NSX 6,1MW)

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Sản lượng phát điện	kwh	20.000.000	21.582.973	107,91%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	1.405.320.637.000	1.439.722.593.046	102,44%
2.1	Trong đó doanh thu phát điện	đồng	52.000.000.000	54.318.542.410	100,11%
3	Tổng chi phí	đồng	1.200.430.348.712	1.271.830.430.593	105,94%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	170.235.425.126	174.150.792.795	102,29%
5	Cổ tức	%	10	12	120%

2.7 Công ty cổ phần Cơ điện VCP

TT	Nội dung	Dvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH
1	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	12.383.459.726	12.948.863.394	105%
2	Tổng chi phí	đồng	10.443.352.014	10.231.873.802	98%
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	1.940.107.711	2.716.989.592	140%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	1.556.070.169	2.173.573.614	140%
5	Cổ tức	%	5	6	100%

Công ty cổ phần Cơ điện VCP (VCP ME) đã thực hiện rất tốt các công tác duy tu bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thủy điện trong hệ thống. Trong năm 2025, không có nhà máy nào có các sự cố đáng tiếc và không kiểm soát được.

2.8 Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3

Năm 2025, VCP đã M&A Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 với tỷ lệ sở hữu 99,27 % vốn điều lệ bằng vốn vay Ngân hàng MB và tiến hành khởi công xây dựng Nhà máy Thủy điện Đak Lô 1 và Đak Lô 3 với tổng công suất thiết kế 34 MW.

Thông tin chi tiết dự án như sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3

Địa chỉ: Thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Công suất thiết kế: Đak Lô 1: 12MW; Đak Lô 3: 22MW

Sản lượng thiết kế: Đak Lô 1: 38,1 triệu Kwh/năm; Đak Lô 3: 71,5 triệu Kwh/năm

Tổng mức đầu tư: Đak Lô 1: 426 tỷ đồng; Đak Lô 3: 787 tỷ đồng

Khởi công xây dựng: Tháng 03/2025

Thời gian dự kiến hoàn thành phát điện: Đak Lô 1: Quý I/2027; Đak Lô 3: Quý II/2028

2.9 Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4

Thông tin chi tiết dự án như sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH thủy điện Đak lô 4

Địa chỉ xây dựng: Thôn 1, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Công suất thiết kế: 10MW

Điện lượng: 34,03 triệu Kwh/năm

Tổng mức đầu tư: 373 tỷ đồng

Công tác thực hiện đầu tư đến thời điểm hiện tại:

- + Đã hoàn thành thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, đền bù giải phóng mặt bằng;
- + Đang thực hiện công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu thi công.

2.10 Công ty TNHH Nhà máy thủy điện Thác Ba

Thông tin chi tiết dự án như sau:

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Nhà máy Thủy điện Thác Ba

Địa chỉ xây dựng: Tỉnh Lâm Đồng

Công suất thiết kế: 18MW

Điện lượng: 70,89 triệu Kwh/năm

Tổng mức đầu tư: 634 tỷ đồng

Công tác thực hiện đầu tư đến thời điểm hiện tại:

- + Đã hoàn thành thiết kế cơ sở;
- + Đang thực hiện công tác thiết kế kỹ thuật, giải phóng mặt bằng, công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công.

2.11 Đầu tư dự án điện mặt trời áp mái tại Nhà máy điện rác Ngôi sao xanh

Địa chỉ: thôn Sài Đồng, xã Phù Lãng, tỉnh Bắc Ninh

Công suất: 1136 KWP, 1623 tấm pin

Sản lượng thiết kế: 1150 x 106 Kwh

Tổng mức đầu tư: 9,7 tỷ đồng

Hoàn thành phát điện: 11/2025

Phương thức đầu tư: BOT do VCP làm chủ đầu tư, sau 20 năm chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh (Green Star).

Bán điện 100% cho Green Star với giá đề xuất bằng 83% giá mua điện trung bình của EVN: 1.705 đồng kwh.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025:

1. Kết quả thực hiện so với kế hoạch đề ra:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	Sản lượng điện	Kwh	425.073.360	591.418.950	139,13%
II	Doanh thu, thu nhập	đồng	389.066.540.000	522.097.034.268	134,19%
1	Doanh thu bán điện	đồng	360.389.000.000	429.065.239.830	119,05%
2	Doanh thu khác, thu nhập	đồng	28,677,540,000	93.031.794.438	324,41%
III	Tổng chi phí	đồng	260.023.589.633	279.507.796.909	107,49%
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>đồng</i>	112.590.873.450	126.677.102.063	112,51%
IV	Lợi nhuận	đồng	129.042.950.367	242.589.237.359	187,99%
1	LN trước thuế	đồng	129.042.950.367	242.589.237.359	187,99%
2	Thuế TNDN	đồng	25.808.590.073	36.539.320.058	141,58%
3	LN sau thuế	đồng	103.234.360.294	206.049.917.301	199,59%

Chỉ tiêu sản lượng phát điện:

Sản lượng phát điện đạt: 591.418.950 kwh (139,13% so với kế hoạch), tăng 166.418.950 Kwh so với kế hoạch và đạt 133,35% so với năm 2024 (443.483.480Kwh).

Chỉ tiêu doanh thu:

Doanh thu sản xuất điện đạt 429.065.239.830 đồng (119,18% so với kế hoạch), tăng 69.065.239.830 đồng so với kế hoạch và đạt 102,91% so với năm 2024 (416.927.737.882 đồng).

Chỉ tiêu lợi nhuận:

Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là: 206.049.917.301 đồng đạt 199,59 % so với kế hoạch năm 2025.

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu tại ngày 31/12/2025:

Chỉ tiêu	ĐVT	01/01/2025	31/12/2025	+/-
Tài sản ngắn hạn	đồng	159.445.603.380	1.252.105.109.232	1.092.659.505.852
Tài sản dài hạn	đồng	2.877.855.978.285	3.451.544.862.765	573.688.884.480
Tổng tài sản	đồng	3.037.301.581.665	4.703.649.971.997	1.666.348.390.332
Nợ ngắn hạn	đồng	280.037.041.882	511.697.813.318	231.660.771.436
Nợ dài hạn	đồng	1.087.273.914.564	2.369.865.410.959	1.282.591.496.395
Tổng nợ phải trả	đồng	1.367.310.956.446	2.881.563.224.277	1.514.252.267.831

3. Dư nợ vay và trả nợ vay tại ngày 31/12/2025:

Đơn vị tính: đồng

STT	Đơn vị	01/01/2025	Số nợ gốc đã trả trong năm 2025	Số đã vay trong năm 2025	31/12/2025
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong				
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	10.010.925.124	51.523.450.030	58.624.204.700	17.111.679.794
3	Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	34.757.030.712	92.582.225.042	112.785.460.880	54.960.266.550
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	670.823.914.564	6.500.000.000	400.000.000.000	1.064.323.914.564
5	Vay cá nhân và đối tượng khác	586.300.186.268	292.459.960.414	829.777.757.019	1.123.617.982.873
	Cộng	1.301.892.056.668	443.065.635.486	1.401.187.422.599	2.260.013.843.781

4. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống VCP Holdings:

TT	Nội dung	Đvt	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng	Kwh	762.138.667	1.009.586.403	132,46%
2	Doanh thu, thu nhập khác	đồng	1.847.547.949.706	2.341.083.484.814	126,71%
	<i>Trong đó doanh thu bán điện</i>	<i>đồng</i>	<i>767.082.998.477</i>	<i>898.301.950.184</i>	<i>117,10%</i>
3	Tổng chi phí	đồng	1.450.853.152.153	1.799.606.372.758	124,03%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	396.694.797.553	541.477.112.056	136,49%
5	Thuế TNDN	đồng	45.438.534.886	60.374.428.694	132,87%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	351.256.262.667	481.102.683.362	136,96%

VI. CÔNG TÁC TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Công tác tổ chức:

- Hiện tại, số lượng CBCNV công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 là: 48 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 09 người, CBNV: 39 người.
- Chính sách liên quan đến người lao động: Ban lãnh đạo luôn quan tâm tới công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp với các đơn vị, bộ phận để làm tốt hơn nữa việc sử dụng sắp xếp, bố trí lao động đảm bảo phát huy hết năng lực làm việc, năng suất lao động cao nhất. Ngoài ra ban lãnh đạo thường xuyên xem xét bổ sung các tiêu chí cụ thể, đo lường được trong thực hiện đánh giá năng lực NLD.
- Chính sách tuyển dụng: Coi yếu tố con người là trọng tâm chính, là những mục tiêu hàng đầu của Công ty. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động, các mục tiêu ngắn hạn và dài hạn mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.
- Chính sách đãi ngộ, phúc lợi: Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty: Tại các Nhà máy, công trình đều có nhà ở, bếp ăn cho CBNV.
- Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên: Với truyền thống hơn 20 năm quản lý vận hành nhà máy thủy điện, Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực, đào tạo hướng vào việc phát triển con người toàn diện, ưu tiên khuyến khích NLD tự học tập, nâng cao trình độ. Hằng năm, Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Trong năm 2025 tổ chức khóa đào tạo ứng dụng AI trong quản lý công việc, quản trị nhân sự giành cho quản lý cấp trung, công tác thuế... và tự đào tạo để nâng cao trình độ và nghiệp vụ, ngoài việc đào tạo để đáp ứng cho yêu cầu sản xuất kinh doanh, Công ty còn thực hiện dịch vụ bồi dưỡng, đào tạo về quản lý, vận hành sửa chữa cho các nhà máy điện trong hệ thống.
- Chế độ làm việc: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định Pháp luật về lao động. Thỏa ước tập thể và các chế độ khác.

2. Phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội:

- Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư, VCP Holdings đã luôn chú trọng các hoạt động bảo vệ môi trường, thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa. Bởi VCP Holdings hiểu rằng mỗi bước tiến của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển bền vững của môi trường, cộng đồng. Trong chiến lược phát triển dài hạn của mình, các mục tiêu về phát triển bền vững sẽ là kim chỉ nam để doanh nghiệp đi trên đúng con đường dẫn đến thành công, đóng góp xây dựng một xã hội tốt đẹp, văn minh.
- VCP Holdings luôn chú trọng, quan tâm xây dựng doanh nghiệp theo hướng ổn định, bền vững, mang lại sự hài lòng cao nhất cho cổ đông, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn cho người lao động, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan và đóng góp tích cực cho sự phát triển của cộng đồng. Để thực hiện được nhiệm vụ này, phát triển bền vững sẽ trở thành cuộc hành trình của tất cả CBCNV VCP Holdings. Cuộc hành trình này đòi hỏi mỗi CBCNV cần có những tư duy mới, tinh thần đổi mới sáng tạo để tạo ra những giá trị khác biệt cho cộng đồng cùng khát vọng cung cấp nguồn năng lượng sạch cho một tương lai phát triển bền vững không hề tách rời khỏi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà thực sự bắt nguồn từ cách doanh nghiệp vận hành. Và Ban lãnh đạo Công ty cam kết làm hết sức mình để đảm bảo Công ty tiếp tục tiếp bước trên hành trình phát triển bền vững đó.
- Đang triển khai áp dụng phần mềm Bravo trong toàn hệ thống - phần mềm hoạch định doanh nghiệp trong công tác kế toán và quản lý máy móc thiết bị tạo nền móng cho sự phát triển ổn định và tăng trưởng bền vững.
- Những năm qua, cùng với việc đẩy mạnh và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an sinh xã hội luôn được tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên VCP Holdings quan tâm, coi đó là nhiệm vụ chính trị quan trọng, là trách nhiệm, tình cảm của mỗi cá nhân đối với cộng đồng, với xã hội. An sinh xã hội thể hiện tính nhân văn, bốn phận của con người, của xã hội đối với cộng đồng và góp phần để xây dựng một xã hội hài hòa, văn minh. VCP luôn ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội để xây dựng những cái tốt và mang lại lợi ích công, để tạo nên cái tốt chung cho cả cộng đồng và cũng chăm lo cho người lao động của mình. Cán bộ công nhân viên, người lao động VCP cũng luôn ý thức trách nhiệm không chỉ trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh mà còn có trách nhiệm với

cộng đồng, xã hội, tình cảm tương thân tương ái được thể hiện việc mọi người đóng góp cho công tác an sinh xã hội bằng chính sức lao động, bằng tri thức của mình.

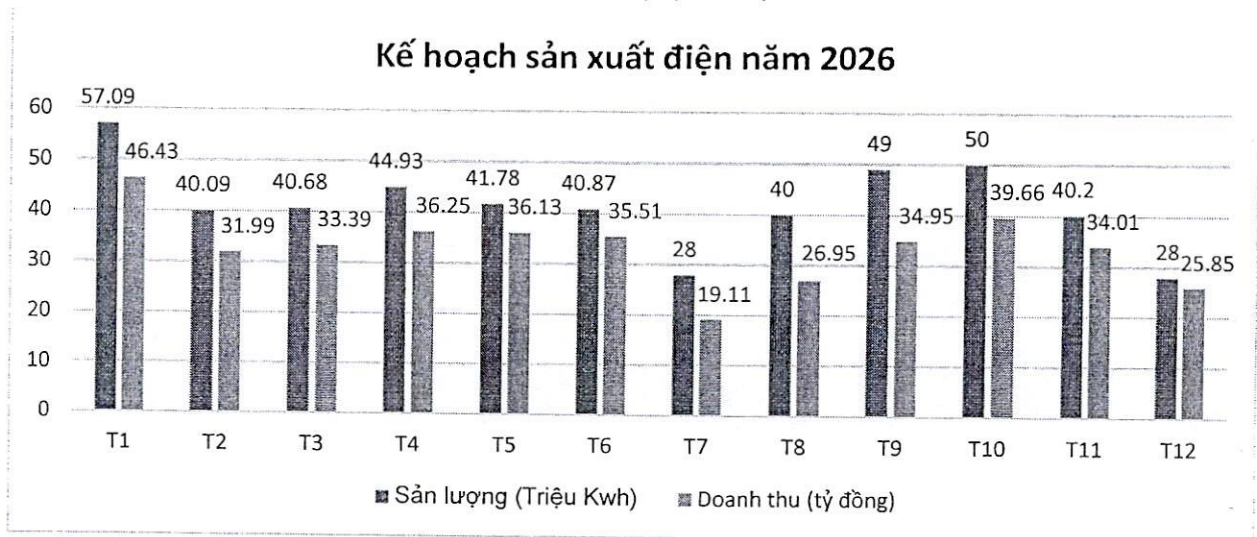
- Cụ thể trong năm 2025, tổng số tiền VCP Holdings đóng góp cho công tác từ thiện hơn 700 triệu đồng như: ủng hộ cơ bão số 11, 12, ủng hộ đồng bào Miền Trung, Tây nguyên bị ảnh hưởng do bão lũ; người nghèo di dân tái định cư xây dựng Lòng hồ Cửa Đạt tại tỉnh Gia Lai, làm đường dân sinh tại xã Mường La, tỉnh Sơn La, các quỹ khác của địa phương tại các nhà máy.
- Hỗ trợ bà mẹ Việt Nam anh hùng: 54 triệu đồng.
- Nâng cao sức khoẻ cho CBCNV: Tổ chức giải chạy cho toàn bộ CBCNV toàn hệ thống nhân kỷ niệm 21 năm thành lập Công ty, tham gia giao lưu Pickleball với đối tác và giữa các đơn vị trong hệ thống VCP Holdings...

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Kế hoạch sản xuất điện năm 2026

Tiếp tục tối ưu nguồn nước, đảm bảo hiệu quả vận hành nhà máy Thủy điện Cửa Đạt với sản lượng và doanh thu cao; Đảm bảo an toàn trong việc vận hành nhà máy Thủy điện Cửa Đạt.

Thường xuyên theo dõi và kiểm tra thiết bị trong quá trình vận hành kịp thời phát hiện các lỗi để khắc phục trong thời gian ngắn nhất, hạn chế ảnh hưởng đến việc phát điện.



2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026
I	Sản lượng điện	Kwh	591.418.950	500.667.985
II	Doanh thu, thu nhập	đồng	522.097.034.268	536.827.561.691
1	Doanh thu bán điện	đồng	429.065.239.830	400.295.687.697
2	Doanh thu khác, thu nhập	đồng	93.031.794.438	136.531.873.994
III	Tổng chi phí	đồng	279.507.796.909	387.330.668.068
	Trong đó: Chi phí lãi vay	đồng	126.677.102.063	227.310.172.657
IV	Lợi nhuận	đồng	242.589.237.359	149.496.893.623
1	LN trước thuế	đồng	242.589.237.359	149.496.893.623
2	Thuế TNDN	đồng	36.539.320.058	29.899.378.725
3	LN sau thuế	đồng	206.049.917.301	119.597.514.898

3. Hoạt động đầu tư phát triển dự án năm 2026:

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan đảm bảo tiến độ xây dựng dự án Đăk Lô 1, Đăk Lô 3 tại Quảng Ngãi theo đúng tiến độ đề ra và tiếp tục hoàn thiện các hồ sơ pháp lý và các thủ tục liên quan đến việc đầu tư các dự án của VCP như Dự án Thủy điện Đăk lô 4, Dự án Thủy điện Thác Ba, Dự án Thủy điện Xuân Khao, dự án điện mặt trời Bình Phước.
- Tiếp tục M&A các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời có tiềm năng để đầu tư tăng quy mô của hệ thống.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2025 và nhiệm vụ kế hoạch công tác sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



VŨ NGỌC TÚ

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, HĐQT

Số: 02/2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025
VÀ NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2026****Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026**

Thực hiện Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xây dựng và năng lượng VCP xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026 của HĐQT như sau:

PHẦN I:**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025****I. Về cơ cấu, tổ chức Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 05 thành viên:

- Ông Vũ Ngọc Tú, Chủ tịch HĐQT Công ty
- Ông Phạm Văn Minh, Phó Chủ tịch TT HĐQT – Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Nguyên Khánh, TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Việt Tiến, TV HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh, TV HĐQT

II. Về hoạt động của HĐQT:**1. Tình hình hoạt động của HĐQT**

Năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá hoạt động của Công ty và toàn hệ thống VCP Holdings đạt nhiều kết quả tích cực, cơ bản hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Các nhà máy điện vận hành ổn định, công tác quản trị điều hành được thực hiện linh hoạt, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với toàn hệ thống VCP Holdings, sản lượng điện thực hiện đạt 1.009 triệu kWh, tương đương 132% kế hoạch năm. Tổng doanh thu và thu nhập đạt 2.341,1 tỷ đồng, bằng 127% kế hoạch. Mặc dù tổng chi phí tăng theo quy mô hoạt động, đạt 1.799,6 tỷ đồng (124% kế hoạch), kết quả lợi nhuận trước thuế vẫn đạt 541,48 tỷ đồng, vượt 37% kế hoạch, và lợi nhuận sau thuế đạt 481,10 tỷ đồng, bằng 137% kế hoạch. Kết quả này cho thấy hiệu quả trong công tác vận hành các dự án năng lượng và năng lực quản trị tài chính của hệ thống.

Đối với Công ty VCP, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cũng đạt mức tăng trưởng cao. Sản lượng điện đạt 592 triệu kWh, tương đương 139% kế hoạch. Tổng doanh thu và thu nhập đạt 522,0 tỷ đồng, bằng 134% kế hoạch, trong đó doanh thu bán điện đạt 429,07 tỷ đồng. Công tác kiểm soát chi phí được thực hiện chặt chẽ; tổng chi phí đạt 279,41 tỷ đồng, tương đương 107% kế hoạch. Nhờ đó, lợi nhuận trước thuế đạt 242,88 tỷ đồng, vượt 88% kế hoạch, và lợi nhuận sau thuế đạt 206,05 tỷ đồng, tương đương 199% kế hoạch.



Hội đồng quản trị ghi nhận những nỗ lực của Ban điều hành và toàn thể cán bộ, người lao động trong việc duy trì vận hành an toàn, hiệu quả các nhà máy điện, đồng thời nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực. Những kết quả đạt được trong năm 2025 là nền tảng quan trọng để Công ty tiếp tục phát triển bền vững và triển khai các định hướng chiến lược trong giai đoạn tới.

Hội đồng quản trị hoạt động theo chế độ tập trung dân chủ, quyết định theo đa số. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHCĐ và Quy chế hoạt động của HĐQT trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và lợi ích của Cổ đông vì vậy mọi chỉ đạo, hoạt động của HĐQT với Ban điều hành công ty luôn thông suốt, ổn định và hiệu quả. Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc, Phó TGD, 02 thành viên còn lại làm việc theo chế độ không chuyên trách.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp. Nhìn chung, các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Công ty, được các thành viên Hội đồng quản trị chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho công ty. Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập với đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp, đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của công ty và các đơn vị như chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng, an sinh xã hội ... cần xử lý thường xuyên theo thẩm quyền, Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết.

Hội đồng quản trị cũng chủ động tổ chức các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị liên quan để thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng quản trị, cập nhật tình hình và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các đơn vị.

2. Các quyết định của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 19 Nghị quyết và 14 Quyết định theo thẩm quyền.
- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật.
- Các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được công bố thông tin 2 theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

3. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của các đơn vị trong công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định khác có liên quan. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng chức trách và hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công.

4. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị công ty đã hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ, quy chế/quy định nội bộ của công ty, sát sao trong chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện được các mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên; thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển công ty thông qua việc hoạch định và điều chỉnh Chiến lược phát triển của công ty đến năm 2026 - định hướng đến năm 2030 đồng thời rà soát, cập nhật kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch 05 năm tiếp theo giai đoạn 2026 - 2030, tăng cường giám sát, quản trị rủi ro để đem lại hiệu quả cho công ty.

Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát công ty thực hiện quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành; nghiêm túc tiếp thu và chỉnh sửa các thiếu sót/tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã họp và xin ý kiến các TV HĐQT để chỉ đạo, giám sát, điều hành tất cả các mặt hoạt động của Công ty cụ thể:

- ✓ Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 .
- ✓ Chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- ✓ Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- ✓ Bầu bổ sung BKS nhiệm kỳ 2024 – 2029.
- ✓ Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch SXKD năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- ✓ Chỉ đạo Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3 triển khai khởi công đầu tư xây dựng dự án Đak Lô 1, Đak Lô 3 vào tháng 3/2025 tại Quảng Ngãi.
- ✓ Chỉ đạo thành công việc chào bán và phát hành riêng lẻ Trái phiếu doanh nghiệp với tổng mệnh giá chào bán tối đa 500 tỷ đồng trong năm 2025 và các vấn đề liên quan.
- ✓ Chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống triển khai áp dụng phần mềm Bravo.
- ✓ Đảm bảo nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh khó tiếp cận được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng.
- ✓ Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thúc đẩy việc giám sát của Ban kiểm soát đảm bảo quản trị rủi ro tốt để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.
- ✓ Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp của VCP và các đơn vị thành để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra giá trị bền vững trong dài hạn.
- ✓ Đưa việc tuân thủ quy định pháp luật vào thành văn hóa doanh nghiệp, làm tôn chỉ trong mọi hoạt động của doanh nghiệp.
- ✓ Cử cán bộ quản lý các Ban, đơn vị thành viên kiêm nhiệm tại một số đơn vị trong hệ thống để nâng cao hiểu biết, năng lực về quản trị doanh nghiệp.
- ✓ Đảm bảo việc làm, thu nhập, phúc lợi cho CBNV; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.
- ✓ Chỉ đạo các đơn vị liên quan tiến hành các thủ tục M&A Công ty TNHH thủy điện Đak Lô 1-3, nghiên cứu hồ sơ để mua cổ phần phổ thông do Công ty cổ phần Linh Linh phát hành là công ty sở hữu Nhà máy thủy điện Nậm Khứa 3 công suất 28 MW tại Lào Cai và các dự án năng lượng mới để tăng quy mô hoạt động của hệ thống.

- ✓ Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025.
- ✓ Tiếp tục thực hiện 8 mục tiêu phát triển bền vững của Liên hợp quốc trong năm 2025 mà Công ty đang theo đuổi.
- ✓ Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các văn bản quản lý nội bộ khác có liên quan, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, trung thực, minh bạch trong công tác quản trị đối với Công ty niêm yết. Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

5. Thù lao của các Thành viên HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
2	Phạm Văn Minh	Phó CT HĐQT	48.000.000	
3	Trịnh Nguyên Khánh	UV HĐQT	48.000.000	
4	Nguyễn Việt Tiến	UV HĐQT	48.000.000	
5	Nguyễn Thị Hà Ninh	UV HĐQT	48.000.000	

III. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực, tinh thần trách nhiệm và sự chủ động của Ban Tổng Giám đốc cùng đội ngũ Cán bộ quản lý trong việc tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là những biến động bất thường của thời tiết và môi trường đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, bám sát các nghị quyết, chủ trương của Hội đồng quản trị; chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp quản trị, vận hành linh hoạt, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, an toàn và tuân thủ quy định pháp luật. Công tác chỉ đạo điều hành tại các nhà máy, dự án được thực hiện kịp thời, góp phần hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn con người và tài sản của Công ty.

Đội ngũ Cán bộ quản lý tại các đơn vị, dự án đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, chủ động trong công tác quản lý, vận hành và phối hợp xử lý các tình huống phát sinh. Việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, quy định nội bộ và hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn được duy trì, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành, chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng công tác quản trị nội bộ, kiểm soát chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư; từng bước hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình quản lý, đồng thời quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ quản lý kế cận đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Công ty.

Tuy nhiên, Hội đồng quản trị cũng nhận thấy vẫn còn một số nội dung cần tiếp tục cải thiện trong thời gian tới, như việc nâng cao hơn nữa năng lực dự báo, lập kế hoạch trong điều kiện thị trường và thời tiết biến động; tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành; tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ Cán bộ quản lý theo định hướng quản trị hiện đại, minh bạch và hiệu quả.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị luôn theo dõi, giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 cũng như kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.

Phó Chủ tịch TT HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trực tiếp tham gia các buổi họp giao ban tuần, tháng và các cuộc họp liên quan khác đến hoạt động của Công ty để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời để đạt được các mục tiêu mà HĐQT phê duyệt.

Ban Tổng Giám đốc đứng đầu là Tổng Giám đốc đã điều hành SXKD của Công ty tuân thủ quy định của Pháp luật, điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc phân công quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng và được tạo điều kiện để có thể đạt hiệu quả làm việc tối đa.

Năm 2025 kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng VCP đã vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng cao so với năm 2024.

Do đó, HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc ở một số điểm nổi bật sau:

- ✓ Ban TGD đã chủ động nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ và chỉ tiêu mà ĐHĐCĐ đã thông qua, quá trình điều hành luôn thể hiện trách nhiệm cao, duy trì bộ máy vận hành hoạt động ổn định, hiệu quả.
- ✓ Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành (Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán và Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung năm 2019; Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 96/2020/ TT-BTC, Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính) về quản trị công ty. Công bố thông tin đầy đủ, đúng quy định về tình hình sản xuất kinh doanh cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan dựa trên cơ sở minh bạch, chính xác và kịp thời.
- ✓ Công tác quản trị hoạt động của các Công ty thành viên trong hệ thống được duy trì thường xuyên, góp phần đảm bảo nguồn thu cổ tức, lợi nhuận từ các công ty thành viên.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo quản lý chặt chẽ các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý, quán triệt thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên. Thường xuyên tăng cường công tác quản trị vốn, dòng tiền cho SXKD và đầu tư dự án.
- ✓ Công tác tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi minh bạch, không để xảy ra nợ quá hạn đối với các tổ chức tín dụng. Các giao dịch tái cấu trúc vốn mang lại hiệu quả kinh tế cao.
- ✓ Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin được thực hiện tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ của Công ty.
- ✓ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức không để xảy ra cháy nổ và an toàn lao động. Công tác sản xuất điện đảm bảo yêu cầu kinh tế kỹ thuật, đáp ứng tốt phương thức huy động của hệ thống điện.
- ✓ Công tác duy tu bảo dưỡng thiết bị luôn được chú trọng tại các Nhà máy góp phần thiết bị vận hành được ổn định an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong quá trình vận hành.
- ✓ Dẫn dắt, quản lý tốt đội ngũ nhân sự và theo dõi, đánh giá các hoạt động kinh doanh của Công ty một cách sát sao.
- ✓ Quan tâm tới sự phát triển nguồn nhân lực, công tác đào tạo không chỉ cho nhu cầu hiện tại, mà còn chuẩn bị cho tương lai.

- ✓ Nhận thức rõ tầm quan trọng của chuyển đổi số, từ đó đưa ứng dụng công nghệ phần mềm Bravo vào quản lý, vận hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.
- ✓ Chú trọng phát triển văn hoá doanh nghiệp, từng bước tạo nên sự kết nối và xây dựng bản sắc văn hóa doanh nghiệp của VCP Holdings.
- ✓ Duy trì tốt mọi chế độ chính sách đối với người lao động.

PHẦN II:

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Hội đồng quản trị và Ban điều hành cùng toàn thể Cán bộ nhân viên VCP đã thực hiện rất tốt chủ đề năm 2025 "**Kết nối sức mạnh, Mở rộng thành công**" và đã mang lại những thành công nhất định trong chiến lược sản xuất kinh doanh của mình.

Với sự quyết tâm, Hội đồng quản trị đưa ra chủ đề phấn đấu của năm 2026 "**Dẫn lối hệ sinh thái năng lượng xanh**" với mong muốn VCP tiếp tục có những thành quả nhiều hơn nữa trong sản xuất kinh doanh và vị thế trên thị trường trong thời gian tới. Để thực hiện Chủ đề này, Hội đồng quản trị đề xuất một số mục tiêu và giải pháp, kế hoạch hoạt động của HĐQT như sau:

1. Mục tiêu chung:

- Phát triển Công ty về quy mô phát điện, duy trì tăng trưởng bền vững về doanh thu, lợi nhuận để nâng cao giá trị cho cổ đông, tối ưu hóa nguồn lực tài sản hiện có và quản lý chi phí, mở rộng đầu tư vào lĩnh vực nguồn điện;
- Công trình, thiết bị được quản lý và vận hành an toàn, mang lại hiệu quả cao nhất về doanh thu và lợi nhuận. Sử dụng nguồn lực có hiệu quả để phát triển các loại hình dịch vụ kỹ thuật là thế mạnh của Công ty.
- Quản trị Công ty minh bạch và theo các thông lệ quản trị tốt nhất.
- Quản lý các công ty con, công ty liên kết đảm bảo hoạt động hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Các giải pháp trọng tâm:

2.1 Về vận hành tài chính và đầu tư:

- Quản lý vận hành các Nhà máy trong hệ thống đảm bảo vận hành an toàn, kinh tế; thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai và an toàn bảo hộ lao động; khai thác hồ chứa và tham gia thị trường điện có hiệu quả.
- Quản lý tốt các khoản đầu tư tài chính đảm bảo doanh thu theo kế hoạch của hoạt động tài chính.
- Tiếp tục tập trung thi công dự án Nhà máy Thủy điện Đắk Lô 1 và Đắk Lô 3 đảm bảo tiến độ, chất lượng, tiết kiệm, an toàn và chuẩn bị các thủ tục cần thiết đầu tư xây dựng dự án Đắk Lô 4 trong năm 2026.
- Tiếp tục tìm kiếm và khảo sát các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực sản xuất điện.
- Chỉ đạo các đơn vị liên quan sớm đẩy nhanh thủ tục pháp lý đầu tư dự án thủy điện Xuân Khao tại Thanh Hóa, dự án thủy điện Thác Ba tại Lâm Đồng.
- Chỉ đạo Công ty SMA hoàn thành các thủ tục pháp lý với cơ quan Nhà nước để đầu tư dự án điện mặt trời trên đất tại Nhà máy Thủy điện Đắk Glun.

- Chỉ đạo M&A mua cổ phần phổ thông do Công ty cổ phần Linh Linh phát hành là công ty sở hữu Nhà máy thủy điện Nậm Khứa 3 công suất 28 MW tại Lào Cai trong tháng 3/2026 và các dự án khác có tính khả thi cao.

2.2 Về quy trình kinh doanh và quản trị nội bộ:

- Quan tâm công tác đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Thực hiện có kỷ luật chế độ báo cáo tháng/quý các chỉ tiêu trọng yếu về sản xuất kinh doanh.
- Thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng và minh bạch trong quản lý điều hành gắn liền với trách nhiệm báo cáo và giải trình của các cấp để quản trị rủi ro.
- Thường xuyên rà soát để hoàn thiện các quy định/quy trình được chuẩn hóa về quản lý/vận hành móc thiết bị, công trình xây dựng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và vận hành.
- Áp dụng thực chất các hệ thống quản lý ISO, 5S ...
- Tăng cường phối hợp với các cơ quan quản lý địa phương để phát hiện, ngăn chặn kịp thời, có biện pháp chống tái diễn... và hạn chế tối đa các vụ việc lấn chiếm hồ/ đập/hạ du.

2.3 Về năng lực tổ chức:

- Tập trung xây dựng bộ máy tổ chức gọn nhẹ, chú trọng công tác đào tạo và phát- triển nhân lực, tối ưu hơn nữa nguồn nhân lực hiện có.
- Nâng cao ý thức cho người lao động về tinh thần tự thực hiện/tự giác, cải tiến và tối ưu hóa là hành động xuyên suốt quy trình sản xuất kinh doanh và việc nâng cao thu nhập phải gắn với cải thiện năng suất lao động và hiệu quả công việc.
- Tạo môi trường làm việc thân thiện, xây dựng văn hoá doanh nghiệp mang bản sắc riêng và có kế thừa các giá trị truyền thống, tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với cộng đồng.
- Chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2026.
- Chỉ đạo thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
- Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Tổ chức tuyên truyền và thực hiện tốt văn hoá doanh nghiệp, đảm bảo cho Công ty luôn phát triển bền vững.
- Cử cán bộ quản lý các Ban, đơn vị thành viên kiêm nhiệm tại một số đơn vị trong hệ thống để nâng cao hiểu biết, năng lực về quản trị doanh nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của Ban điều hành, thúc đẩy việc giám sát của Ban kiểm soát đảm bảo quản trị rủi ro tốt để nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo tổ chức thành công Teambuilding năm 2026 toàn hệ thống nhân kỷ niệm 22 năm thành lập VCP Holdings.
- Đảm bảo việc làm, thu nhập, phúc lợi cho CBNV; tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, xã hội.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản lý và điều hành năm 2025 và nhiệm vụ, phương hướng hoạt động năm 2026. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét góp ý và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu HĐQT, TCHC. *K*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CHỦ TỊCH



VŨ NGỌC TÚ

Số: 03 /2026/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ĐỘC LẬP VÀ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP VỀ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là “HĐQT”) nhiệm kỳ 2024-2029 có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập. Dưới đây là Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT và kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT trong năm 2025:

1. Danh sách thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty có 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập Hội đồng quản trị là Ông Nguyễn Việt Tiến và bà Nguyễn Thị Hà Ninh đã tuân thủ điều kiện và số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã tổ chức 15 cuộc họp. Nhìn chung, các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Công ty, được các thành viên Hội đồng quản trị chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho công ty. Biên bản các cuộc họp Hội đồng quản trị được lập với đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và thư ký cuộc họp, đúng hình thức theo quy định của pháp luật.

- Các vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của công ty và các đơn vị như chiến lược, cơ chế, chính sách, sản xuất kinh doanh, đầu tư, xây dựng, an sinh xã hội ... cần xử lý thường xuyên theo thẩm quyền, Hội đồng quản trị đã lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, kịp thời chỉ đạo giải quyết.

- Hội đồng quản trị cũng chủ động tổ chức các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị liên quan để thực hiện chức năng giám sát của Hội đồng quản trị, cập nhật tình hình và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các đơn vị.

3. Các quyết định của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã ban hành 19 Nghị quyết và 14 Quyết định theo thẩm quyền.

- Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật.

- Các Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị được công bố thông tin 2 theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

4. Giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị công ty đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc để đưa ra các quyết định, chính sách kịp

thời, đúng đắn đảm bảo hoạt động của công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Tổng giám đốc đã phân công mảng công việc cụ thể cho các thành viên trong Ban TGD để chủ động xử lý đảm bảo tiến độ công việc chung.

- Một số nội dung công việc quan trọng, Ban điều hành chủ động cập nhật và xin ý kiến tư vấn của các thành viên Hội đồng quản trị nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được Hội đồng quản trị giao.

5. Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của các đơn vị trong công ty.

- Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định khác có liên quan. Hợp tác, có tinh thần trách nhiệm, thực hiện đúng chức trách và hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị phân công.

6. Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị công ty đã hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ, quy chế/quy định nội bộ của công ty, sát sao trong chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện được các mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên; thực hiện tốt chức năng định hướng phát triển công ty thông qua việc hoạch định và điều chỉnh Chiến lược phát triển của công ty đến năm 2026 - định hướng đến năm 2030 đồng thời rà soát, cập nhật kế hoạch giai đoạn 2021 – 2025 và kế hoạch 05 năm tiếp theo giai đoạn 2026 - 2030, tăng cường giám sát, quản trị rủi ro để đem lại hiệu quả cho công ty.

- Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát công ty thực hiện quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành; nghiêm túc tiếp thu và chỉnh sửa các thiếu sót/tồn tại trong công tác quản lý theo kết luận kiểm tra của Ban kiểm soát.

- Năm 2025, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các văn bản quản lý nội bộ khác có liên quan, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, trung thực, minh bạch trong công tác quản trị đối với Công ty niêm yết. Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

Trên đây là báo cáo của đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị năm 2025 kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 xem xét góp ý và thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT *h*



NGUYỄN VIỆT TIẾN

Số: 04 /2026/BC-BKS

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CTCP XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP**Căn cứ:**

- Chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty")
- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát Công ty năm 2025.

Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029 gồm 03 thành viên:

- Bà Nguyễn Minh Hiếu - Trưởng Ban (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
- Bà Đinh Thị Hạnh - Trưởng Ban (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
- Bà Đinh Thùy Lâm - Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
- Bà Bùi Hải Yến - Thành viên

Ban Kiểm soát Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 về kết quả hoạt động năm 2025, phương hướng nhiệm vụ hoạt động năm 2026, cụ thể như sau:

A. HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ KIỂM TRA NĂM 2025

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 bao gồm:

- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát có thay đổi về mặt nhân sự. Bà Nguyễn Minh Hiếu và bà Đinh Thùy Lâm được bổ nhiệm thay thế cho Bà Đinh Thị Hạnh và Ông Nguyễn Hồ Ngọc.
- Đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để HĐQT bổ nhiệm đơn vị kiểm toán theo ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.
- Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác hàng quý, xác định nội dung trọng điểm cho từng hoạt động đầu tư hay vận hành để xây dựng nội dung kiểm soát phù hợp.
- Tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT Công ty hàng quý, năm đồng thời đã có những góp ý, ý kiến tham gia về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.
- Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025, đánh giá những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban TGD theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
- Rà soát các quy định, quy chế nội bộ của công ty, đưa ra các khuyến nghị sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế công ty và pháp luật quy định.
- Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về quản lý khai thác tài sản, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được Công ty Kiểm toán soát xét 06 tháng đầu năm và kiểm toán cả năm 2025, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.
- Một số hoạt động khác theo phân công nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Ban kiểm soát đã nỗ lực phát huy năng lực chuyên môn, kinh nghiệm trong việc giám sát hoạt động tài chính, giám sát việc quản lý và điều hành của HĐQT và Ban TGD để hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. Kết quả kiểm tra hoạt động

1. Đánh giá tổng quan

Công ty ổn định và duy trì bộ máy nhân sự đã được tinh gọn. Hiện đại hoá phương thức vận hành, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong công tác Kế toán và quản lý máy móc thiết bị, triển khai các hoạt động có ảnh hưởng tích cực cho việc phát triển bền vững và trách nhiệm xã hội.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 10 Công ty con, 1 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, 02 dự án BCC.

2. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các phiên họp và ban hành 15 Nghị quyết thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh theo đúng trình tự thủ tục, phù hợp chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT quy định theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty với các nội dung chính như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 theo ủy quyền của ĐHĐCĐ.
- Phê duyệt phương án đầu tư Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lô 1-3 và thông qua vay vốn, đảm bảo cấp tín dụng, ủy quyền cho ngân hàng TMCP Quân đội – chi nhánh Điện Biên Phủ.
- Phê duyệt chủ trương mua cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Linh Linh từ các cổ đông hiện hữu.
- Phê duyệt việc chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng mệnh giá chào bán tối đa 500.000.000.000 đồng.
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2025 đề ra. Đồng thời, ban hành các văn bản, phê duyệt các hoạt động phục vụ sản xuất kinh doanh, nêu cao tính sáng tạo, chủ động của tập thể và cá nhân.

3. Đánh giá hoạt động của Ban TGD

Ban TGD đã tích cực triển khai các nhiệm vụ công việc được giao nêu trong Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT. Ban TGD Công ty đã tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt được kết quả như sau (Số liệu được lấy theo BCTC đã được kiểm toán năm 2025):

a. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	% TH/KH	SS với 2024 (%)
Sản lượng	Tr kwh	443,48	425,07	591,42	139%	133%
Doanh thu và Thu nhập	tr.đ	494.651	383.967	522.109	136%	106%
-Doanh thu bán điện	tr.đ	416.928	360.389	429.065	119%	103%
-Doanh thu tài chính và doanh thu Khác	tr.đ	77.723	23.578	93.044	395%	120%
Chi phí	tr.đ	309.622	256.557	279.520	109%	90%
Trong đó: Chi phí lãi vay	tr.đ	112.188	112.591	126.677	113%	113%
Lợi nhuận trước thuế	tr.đ	185.029	127.410	242.589	190%	131%
Thuế TNDN	tr.đ	17.783	25.482	36.539	143%	205%
Lợi nhuận sau thuế	tr.đ	167.245	101.928	206.050	202%	23%

Năm 2025, Kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều biến động lớn như rào cản thương mại (thuế đối ứng từ Mỹ), các quy định pháp luật mới trong nước, yêu cầu cao về chuyển đổi xanh nhưng Công ty vẫn đạt được sự tăng trưởng đáng kể so với năm 2024 và hoàn thành vượt kế hoạch đã đặt ra.

Hiệu suất vận hành: Số liệu cho thấy năm 2025 là một năm "đại thắng" về mặt kỹ thuật khi sản lượng thực hiện đạt **591,4 triệu kWh**, vượt tới **39%** so với kế hoạch và tăng trưởng **33%** so với cùng kỳ 2024. Dù sản lượng điện tăng mạnh (33%), nhưng **Doanh thu bán điện** chỉ tăng **3%** (từ 416,9 tỷ lên 429 tỷ đồng). Nguyên nhân chính là do giá bán điện bình quân năm 2025 sụt giảm sâu, chỉ còn **725,5 đồng/kWh** (so với 940,12 đồng/kWh của năm 2024).

Áp lực chi phí và gánh nặng nợ vay: Tổng chi phí năm 2025 đạt 279,520 tỷ đồng, thấp hơn 10% so với năm 2024 do (i) chi phí khấu hao giảm mạnh (14,1%), nhiều tổ máy tại Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt đã dần hết thời gian khấu hao (ii) tiết kiệm chi phí vận hành. Đây là lý do chính giúp VCP giảm được giá thành. Tốc độ tăng của chi phí nhỏ hơn tốc độ tăng của Doanh thu do một số khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không biến động theo doanh thu. **Chi phí lãi vay** lại tăng mạnh lên mức **126,6 tỷ đồng**, vượt kế hoạch 13%. Đây là hệ quả của chiến lược đòn bẩy tài chính cao. Trong năm 2025, VCP đã phát hành lô trái phiếu **500 tỷ đồng** với lãi suất lên tới **10,2%/năm** để thu tóm Công ty Linh Linh và thực hiện các dự án M&A như Đak Lô 1-3. Việc lãi vay chiếm tới **45%** tổng chi phí là một áp lực rất lớn lên dòng tiền, buộc chúng ta phải kiểm soát chặt chẽ tiến độ giải ngân và hiệu quả của các dự án mới.

Chất lượng lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế đạt **206 tỷ đồng**, gấp đôi kế hoạch (202%) và tăng 23% so với năm 2024. Sự đóng góp này chủ yếu đến từ các nguồn (i) thu nhập tài chính (cổ tức từ các công ty con) (ii) Thu nhập tài chính từ lãi cho vay: Tăng đột biến từ mức 191 triệu đồng (năm 2024) lên 43 tỷ đồng (năm 2025) (iii) Cắt giảm chi phí khấu hao: Chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình giảm từ 64,3 tỷ đồng xuống 55,2 tỷ đồng

b. Tình hình tài chính của Công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/24	31/12/25	+/-	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	tr.đ	159.446	1.252.105	1.092.660	685%
Tài sản dài hạn	tr.đ	2.877.856	3.451.545	573.689	20%
Tổng tài sản	tr.đ	3.037.302	4.703.650	1.666.348	55%
Nợ ngắn hạn	tr.đ	280.037	511.698	231.661	83%
Nợ dài hạn	tr.đ	1.087.274	2.369.865	1.282.591	118%
Tổng nợ phải trả	tr.đ	1.367.311	2.881.563	1.514.252	111%
Vốn góp CSH	tr.đ	837.897	837.897	0	0%
Thặng dư vốn cổ phần	tr.đ	5.940	5.940	0	0%
Quỹ đầu tư phát triển	tr.đ	475.611	588.902	113.292	24%
LN chưa phân phối	tr.đ	350.543	389.348	38.805	11%
Tổng vốn CSH	tr.đ	1.669.991	1.822.087	152.096	9%

Mức tăng đột biến của tài sản ngắn hạn (tăng 685%): tài sản ngắn hạn tăng từ 159,4 tỷ lên **1.252,1 tỷ đồng** chủ yếu do dòng tiền từ đợt phát hành **500 tỷ đồng trái phiếu** vào cuối tháng 12/2025.

Chiến lược M&A và Tài sản dài hạn (tăng 20%): Tài sản dài hạn tăng thêm hơn 573 tỷ đồng (tương đương với 20%), chủ yếu nằm ở mục đầu tư tài chính.

- **Đầu tư vào công ty con:** VCP đã chi **496,3 tỷ đồng** để hoàn tất thương vụ M&A Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3 vào ngày 11/12/2025.
- **Tài sản dở dang:** Các dự án như Thủy điện Đak Lô 1-3 (34 MW) đang được đẩy mạnh xây dựng với tổng mức đầu tư hơn 1.200 tỷ đồng. Điều này cho thấy VCP đang dốc toàn lực để gia tăng công suất phát điện trong 2-3 năm tới.

Nợ phải trả tăng 111%:

- **Nợ dài hạn tăng gấp đôi:** Từ 1.087 tỷ lên **2.369,8 tỷ đồng**. Trong đó, điểm nhấn là lô trái phiếu 500 tỷ đồng lãi suất 10% - 10,2%/năm và các khoản vay từ ngân hàng MB để tài trợ cho dự án Đak Lơ.
- **Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (D/E):** Đầu năm 2025: 0,81 lần (Mức rất an toàn), cuối năm 2025: **1,58 lần** (Mức bắt đầu rủi ro).
- Tổng nợ phải trả hiện đã chiếm **61%** tổng nguồn vốn. Với lãi suất vay trung bình từ 7,5% đến 10,2%, áp lực trả lãi trong năm 2026 sẽ tương đối cao, nhất là khi chu kỳ thủy văn bắt đầu kém thuận lợi do El Nino.

Vốn chủ sở hữu và sự tích lũy (Tăng 9%): Dù nợ tăng nhanh nhưng vốn chủ sở hữu cũng có sự tăng trưởng ổn định nhờ lợi nhuận để lại.

- **Quỹ đầu tư phát triển:** Tăng thêm 113 tỷ đồng, cho thấy công ty đang ưu tiên giữ lại lợi nhuận để tái đầu tư dự án thay vì chia hết cổ tức.
- **LN chưa phân phối:** Vẫn duy trì ở mức cao (**389,3 tỷ đồng**), đây là "tấm đệm" giúp công ty vượt qua các giai đoạn khó khăn về dòng tiền trong ngắn hạn.

Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-24	31-12-25
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	lần	0,57	2,45
Tài sản dài hạn/Nợ dài hạn	lần	2,65	1,46
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	lần	0,45	0,61
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	lần	0,82	1,58
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6%	4%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn góp chủ sở hữu	%	20%	25%

Hệ số thanh toán ngắn hạn (2,45 lần): hệ số thanh toán ngắn hạn tăng vọt từ mức 0,57 (mức báo động mất khả năng thanh toán) năm 2024 lên 2,45. Tuy nhiên, sự gia tăng này chủ yếu đến từ khoản tiền mặt 527 tỷ đồng và hơn 549 tỷ đồng cho vay ngắn hạn phát sinh sau đợt phát hành trái phiếu 500 tỷ đồng vào cuối năm 2025. Đây là dòng tiền đang "chờ" để thu tóm Công ty Linh Linh, không phải dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh điện cốt lõi.

Hệ số tài sản dài hạn/Nợ dài hạn (Giảm từ 2,65 xuống 1,46): Nợ dài hạn tăng 118% (lên 2.369 tỷ đồng) do vay ngân hàng và trái phiếu để tài trợ cho các dự án dở dang như Đak Lơ 1-3 và mua lại công ty Linh Linh.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn -đòn bẩy tài chính ở mức khá cao: Các chỉ tiêu về đòn bẩy tài chính như cơ cấu nợ phải trả trên tổng tài sản và trên vốn chủ sở hữu đang tăng lên. Cụ thể: Nợ chiếm đến 61% tổng tài sản và gấp 1,58 lần vốn chủ sở hữu. Điều này cho thấy Công ty đang tăng gánh nặng nợ vay và có thể chịu các rủi ro lãi suất nếu lãi suất thị trường biến động mạnh.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Nghịch lý ROA và ROE

- **ROA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản) giảm từ 6% xuống 4%:** Đây là dấu hiệu cho thấy hiệu quả sử dụng tổng tài sản đang giảm sút. Lý do là tổng tài sản tăng quá nhanh (tăng 55% do nợ vay) nhưng lợi nhuận chỉ tăng 23%. Các tài sản/dự án vẫn đang ở dạng dở dang, chưa phát điện nên chưa đóng góp vào lợi nhuận.
- **ROE trên vốn góp (Tăng từ 20% lên 25%):** Sở dĩ ROE tăng trong khi ROA giảm là nhờ tác động của đòn bẩy tài chính. Vốn góp chủ sở hữu không đổi (837,8 tỷ đồng) trong khi lợi nhuận tăng từ 167 tỷ lên 206 tỷ đồng.

c. Tình hình dòng tiền của đơn vị trong năm 2024:

Chỉ tiêu		2024	2025
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	tr.đ	219.717	272.137
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	tr.đ	24.959	-1.136.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	tr.đ	-340.837	1.383.677
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	tr.đ	87.892	-96.161

Dòng tiền kinh doanh (CFO): Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2025 đạt **272,1 tỷ đồng**, tăng trưởng khoảng **24%** so với năm 2024 (**219,7 tỷ đồng**). CFO dương và lớn hơn lợi nhuận sau thuế (206 tỷ đồng) cho thấy lợi nhuận của VCP là "lợi nhuận bằng tiền thật", không bị đọng vốn quá nhiều ở các khoản phải thu khách hàng.

Dòng tiền đầu tư (CFI): Đây là khu vực có biến động mạnh nhất. Từ mức dương 24,9 tỷ năm 2024, dòng tiền đầu tư năm 2025 âm tới **1.136 tỷ đồng**. Dựa trên thuyết minh, VCP đã thực hiện hai nghiệp vụ lớn:

- Chi **496,3 tỷ đồng** để hoàn tất thuê Công ty Thủy điện Đak Lô 1-3 vào tháng 12/2025.
- Chi **980,7 tỷ đồng** để cho các đơn vị khác vay (phần lớn là các đơn vị trong hệ thống để thực hiện các dự án mới).
- **Nhận định chuyên môn:** Con số âm lớn ở CFI cho thấy VCP đang ở giai đoạn đầu tư mạnh mẽ. Chúng ta đang dốc túi để mua tương lai (công suất phát điện mới) và đóng vai trò là "ngân hàng nội bộ" điều phối vốn cho cả hệ thống Holdings.

Dòng tiền thuần trong năm theo bảng tính là dương (Tiền cuối năm đạt mức kỷ lục 527,7 tỷ đồng), nhưng có 3 rủi ro cần lưu ý:

- **Rủi ro chi phí vốn:** Tiền lãi vay thực trả trong năm 2025 là 72,2 tỷ đồng, nhưng thực tế chi phí lãi vay phát sinh (đã cộng dồn nhưng chưa đến kỳ trả) lên tới 126,6 tỷ đồng. Điều này có nghĩa là gánh nặng tiền mặt để trả lãi sẽ dồn toa vào các năm sau.
- **Kịch bản 2026:** Theo kế hoạch 2026, chi phí lãi vay sẽ vọt lên 227,3 tỷ đồng. Nếu năm 2026 xảy ra hạn hán (El Nino) làm dòng tiền kinh doanh (CFO) sụt giảm, VCP sẽ gặp áp lực cực lớn để duy trì dòng tiền trả nợ trái phiếu và nợ ngân hàng.
- **Tiền mặt "nhàn rỗi":** Con số hơn 527 tỷ đồng tiền mặt cuối năm 2025 thực chất là tiền vay trái phiếu chưa kịp giải ngân để thuê Công ty Linh Linh

d. Đánh giá hoạt động đầu tư của Công ty mẹ và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Chỉ tiêu	ĐVT	31-12-24	31-12-25	+/-	% tăng/giảm	
Đầu tư vào công ty con	tr.đ	2.342.226	2.838.576	496.350	21%	
		TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH-KH	% TH/KH
Doanh thu và thu nhập hợp nhất	tr.đ	1.782.647	1.847.548	2.341.553	494.005	127%
Tổng chi phí hợp nhất	tr.đ	1.422.366	1.450.853	1.800.076	349.223	124%
Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	tr.đ	360.281	396.695	541.477	144.782	136%
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	tr.đ	333.575	351.256	441.461	90.205	126%

Trong kỳ, Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 08/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư, đơn vị đã thực hiện huy động vốn và đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3 với

tổng giá trị là 496.350.000.000 VND chiếm 99,27%, việc mua khoản đầu tư được hoàn thành vào ngày 11/12/2025.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của VCP bao gồm 10 công ty con và 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc vượt kế hoạch đã được ĐHCĐ phê duyệt. Theo đó, Doanh thu và thu nhập hợp nhất đạt 127% so với kế hoạch, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 126% so với Kế hoạch. Đây là tín hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con trong lĩnh vực thủy điện.

4. Kết quả thẩm định BCTC năm 2025

Báo cáo tài chính năm 2025 được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty, đúng chuẩn mực Kế toán Việt Nam và quy định về pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. BKS thống nhất với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính năm 2025.

5. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HĐQT, Ban TGD

Ban kiểm soát, HĐQT và Ban TGD Công ty đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2025, HĐQT cùng Ban TGD và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát. Công ty đã thực hiện công tác công bố thông tin theo đúng quy định.

III. Kết luận và Kiến nghị

1. Kết luận

Với điều kiện kinh tế thế giới và Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều rủi ro, thách thức nhưng năm 2025 Công ty đã nỗ lực vượt qua khó khăn đạt được sự tăng trưởng cao so với năm 2024 và so với Kế hoạch đã đặt ra.

Công tác vận hành trong năm đã đảm bảo sự an toàn, ổn định, đạt hiệu suất với việc bảo trì, bảo dưỡng và khắc phục các sự cố kịp thời trong quá trình vận hành.

Việc quản lý, giám sát công tác đầu tư tại các công ty con đã được thực hiện chặt chẽ bằng hệ thống báo cáo định kỳ, thường xuyên thông qua người đại diện quản lý vốn tại các công ty con.

Ban điều hành đã sử dụng linh hoạt các nguồn thu đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, thanh toán nợ gốc và lãi vay trong kỳ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn.

2. Kiến nghị

a) Quản trị Tài chính & Rủi ro Lãi suất

Đây là vấn đề cấp thiết nhất khi nợ vay của công ty đã tăng lên gần 2.900 tỷ đồng.

- **Lập kế hoạch dòng tiền dự phòng:** Chi phí lãi vay năm 2026 dự kiến là 227 tỷ đồng (tăng gần gấp đôi). Ban điều hành cần lập kịch bản dòng tiền cho trường hợp "xấu nhất": Thủy văn không thuận lợi (El Nino) dẫn đến sản lượng điện thấp, không đủ bù đắp nghĩa vụ trả nợ trái phiếu và lãi vay MB.
- **Tối ưu hóa cấu trúc vốn:** Xem xét việc tái cơ cấu các khoản vay có lãi suất cao (trên 11%) để giảm thiểu chi phí tài chính trong bối cảnh thị trường biến động.
- **Giám sát các khoản cho vay nội bộ:** Cần đảm bảo các khoản vay giữa VCP và các đơn vị thành viên (với lãi suất ưu đãi từ 3-8%) tuân thủ đúng quy định về giao dịch bên liên quan và không làm ảnh hưởng đến tính thanh khoản của các công ty con.

b) Các khoản đầu tư vào dự án các Công trình Thủy điện

Các dự án cần được giám sát tiến độ thi công sát sao để đảm bảo phát điện đúng kế hoạch. Bất kỳ sự chậm trễ nào cũng sẽ khiến chi phí lãi vay (vốn hóa) trở thành gánh nặng lợi nhuận trong tương lai. Cụ thể:

- Thủy điện Đắk Lô 1: Cần đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng và tiến hành xây dựng với thời gian phát điện dự kiến: Quý 1/2027,
- Thủy điện Đắk Lô 3: Cần đảm bảo công tác giải phóng mặt bằng và tiến hành xây dựng với thời gian phát điện dự kiến: Quý 2/2028
- Thủy điện Đắk Lô 4: Tiến độ triển khai chậm do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao đất tại thực địa. Ban lãnh đạo cần đẩy nhanh giải quyết các vấn đề pháp lý.
- Thủy điện Thác Ba: Cần hoàn thiện các vấn đề hồ sơ pháp lý tồn đọng
- Thủy điện Xuân Khao với giá trị hơn 4,8 tỷ đồng triển khai theo Quyết định số 2021/QGG-BCT ngày 06/06/2017 của Bộ Công thương, tính đến nay chỉ phát sinh các khoản chi phí khảo sát, thăm dò và lập báo cáo nghiên cứu khả thi. BLĐ cần đánh giá tính khả thi của dự án

c) Các khoản đầu tư BCC, M&A (đang được ghi nhận phải thu khác)

- Giám sát khoản hợp tác dự án điện rác với HHK (523,2 tỷ đồng): Khoản phải thu dài hạn này nằm tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại - HHK để thực hiện dự án xử lý chất thải Hiệp Hòa. Mặc dù dự án đã được ký hợp đồng BCC vào tháng 11/2025, nhưng số tiền hơn 500 tỷ đồng vẫn nằm dưới dạng "phải thu" thay vì tài sản cố định. Công ty cần giám sát chặt chẽ tiến độ dự án này đảm bảo nhà máy đi vào hoạt động đúng tiến độ, giảm áp lực chi phí lãi vay.
- Khoản tiền góp vốn cho ông Đỗ Hoàng Dương (266,8 tỷ đồng) để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0112/2025/HTĐT/HHK-DHD ngày 01/12/2025. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn cho ông Đỗ Hoàng Dương thực hiện tìm kiếm, đầu tư, mua bán, giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết được phép lưu hành, phần vốn góp của các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao. Khoản vốn góp này là một khoản đầu tư mạo hiểm, cần phải được quản lý chặt chẽ các tiêu chí đầu tư, các mốc đầu tư, đảm bảo sử dụng vốn tối ưu.

d) Các khoản phải thu khó đòi

Một số khoản công nợ phải thu tồn đọng công ty cần tiếp tục theo dõi, đôn đốc và thực hiện các thủ tục nhằm thu hồi. Cụ thể:

- Khoản phải thu về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam có số dư hơn 36 tỷ đồng, đã được trích lập dự phòng toàn bộ.
- Khoản phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo hợp đồng giữa công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam giá trị: 6.625.793.673đ. Theo đó, công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy thủy điện Cửa Đạt năm 2019
- Khoản tiền hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam với giá trị 5 tỷ đồng đã được trích lập dự phòng toàn bộ

B. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2026

I. Nhiệm vụ chung

Định hướng nhiệm vụ chung của Ban kiểm soát năm 2026:

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2026, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của công ty và quy chế hoạt động, lấy ngăn ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.

II. Nhiệm vụ cụ thể năm 2026

Nhiệm vụ cụ thể năm 2026:

- Phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành, đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty. Kiểm soát việc thực hiện các quy chế nội bộ, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông công ty.
- Kiểm tra giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2026 được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn.
- Soát xét Báo cáo tài chính định kỳ theo quý.
- Đảm bảo đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của cổ đông.
- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty, từ đó kịp thời đưa ra các đề xuất, cảnh báo hỗ trợ hoạt động quản trị của Hội đồng quản trị và Ban TGD.

Trên đây là Báo cáo về tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP năm 2025; phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên,
- HĐQT,
- Lưu VP Cty+BKS





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn



Số: 01 /2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua việc ủy quyền lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC năm 2026 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
- Căn cứ Kết quả thẩm tra công tác lập và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình tài chính của Công ty trong năm 2026, đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định và chuẩn mực hiện hành của Nhà nước, đồng thời đảm bảo quyền và lợi ích của các cổ đông, Ban kiểm soát đề nghị Công ty thuê một đơn vị kiểm toán có đủ điều kiện, uy tín để thực hiện Báo cáo tài chính năm 2026.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông, phê duyệt việc Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán có đủ uy tín, năng lực, điều kiện và giá cả phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, HĐQT



Nguyễn Minh Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP
Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Phường Láng, TP. Hà Nội
Web: vcpholdings.com.vn

Số: 02/TTr- HĐQT

Hà nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm tài chính 2025 của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ số liệu Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP xin báo cáo và kính trình Quý vị cổ đông xem xét, thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm tài chính 2025 của Công ty như sau:

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2025 là: **206.049.917.301 đồng**.

+ Đã thực hiện chi Phụ cấp HĐQT và BKS năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2025 là: **336.000.000 đồng**.

+ Lợi nhuận còn lại để chia cổ tức, chi thưởng và phân phối các quỹ: **205.713.917.301 đồng**. Hội đồng quản trị Công ty đề xuất:

1. Trả cổ tức năm 2025: **75.410.692.200 đồng** tương đương 9% Vốn điều lệ (837.896.580.000 đồng).
2. Trích quỹ Đầu tư phát triển: **110.000.000.000 đồng**.
3. Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: **4.120.998.000 đồng** (tương đương với 2% lợi nhuận sau thuế năm 2025).

+ Lợi nhuận sau thuế của năm 2025 chưa phân phối còn lại là: **16.182.227.101 đồng**.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
CHỦ TỊCH

Vũ Ngọc Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 03/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán (Có báo cáo kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, HĐQT



Vũ Ngọc Tú

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 35
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	09 - 35

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thùy Lâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính riêng này là Ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Văn Minh - Tổng Giám đốc được ông Vũ Ngọc Tú ủy quyền ký Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo Quyết định số 120/2021/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị Công ty ngày 08/11/2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phạm Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2024-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam

AASC AUDITING FIRM



Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.252.105.109.232	159.445.603.380
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	527.766.801.142	7.971.697.067
111	1. Tiền		13.766.801.142	7.971.697.067
112	2. Các khoản tương đương tiền		514.000.000.000	-
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		705.183.990.802	135.160.101.513
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	101.376.313.480	118.361.538.173
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	8.000.590.646	1.438.915.326
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	549.100.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	93.149.314.517	57.060.159.143
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(46.442.227.841)	(41.700.511.129)
140	III. Hàng tồn kho		16.603.551.909	14.192.902.272
141	1. Hàng tồn kho	10	16.603.551.909	14.192.902.272
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.550.765.379	2.120.902.528
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	2.184.366.747	2.120.902.528
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		366.398.632	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.451.544.862.765	2.877.855.978.285
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		136.118.462.400	1.118.462.400
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	135.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.118.462.400	1.118.462.400
220	II. Tài sản cố định		470.232.146.890	525.519.482.624
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	317.161.186.661	369.371.719.174
222	- Nguyên giá		1.232.549.018.228	1.232.549.018.228
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(915.387.831.567)	(863.177.299.054)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	153.070.960.229	156.147.763.450
228	- Nguyên giá		200.000.000.000	200.000.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.929.039.771)	(43.852.236.550)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		4.913.940.641	4.913.940.641
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	4.913.940.641	4.913.940.641
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	2.838.576.258.080	2.342.226.258.080
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.838.576.258.080	2.342.226.258.080
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.704.054.754	4.077.834.540
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.704.054.754	4.077.834.540
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.703.649.971.997	3.037.301.581.665

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.881.563.224.277	1.367.310.956.446
310	I. Nợ ngắn hạn		511.697.813.318	280.037.041.882
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	14.710.498.613	13.772.593.744
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		100.000.000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	48.685.581.383	14.417.402.840
314	4. Phải trả người lao động		1.220.928.765	3.124.914.159
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	55.328.513.967	25.434.610.262
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.225.633.650	3.879.877.155
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	381.398.432.822	214.618.142.104
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.028.224.118	4.789.501.618
330	II. Nợ dài hạn		2.369.865.410.959	1.087.273.914.564
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	15	2.369.865.410.959	1.087.273.914.564
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.822.086.747.720	1.669.990.625.219
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.822.086.747.720	1.669.990.625.219
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837.896.580.000	837.896.580.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		837.896.580.000	837.896.580.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.940.175.148	5.940.175.148
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		588.902.213.094	475.610.609.601
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		389.347.779.478	350.543.260.470
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		183.297.862.177	183.297.862.177
421b	LNST chưa phân phối năm nay		206.049.917.301	167.245.398.293
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.703.649.971.997	3.037.301.581.665


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng

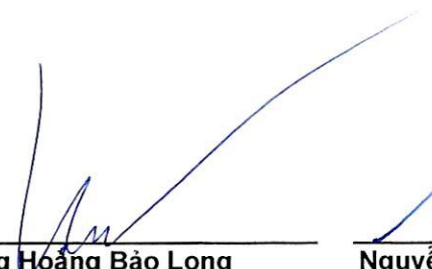

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



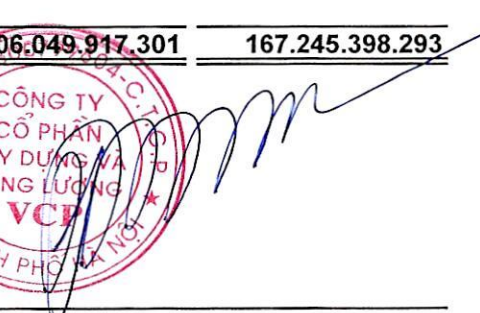
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	444.569.067.810	468.064.011.305
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		444.569.067.810	468.064.011.305
11	4. Giá vốn hàng bán	23	122.541.247.615	156.817.038.193
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		322.027.820.195	311.246.973.112
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	77.434.530.842	25.056.910.571
22	7. Chi phí tài chính	25	126.677.102.063	112.188.187.985
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		126.677.102.063	112.188.187.985
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.906.623.826	40.535.565.639
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		242.878.625.148	183.580.130.059
31	11. Thu nhập khác	27	105.462.627	1.529.707.530
32	12. Chi phí khác	28	394.850.416	81.214.708
40	13. Lợi nhuận khác		(289.387.789)	1.448.492.822
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		242.589.237.359	185.028.622.881
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	36.539.320.058	17.783.224.588
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>206.049.917.301</u>	<u>167.245.398.293</u>


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2025
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		242.589.237.359	185.028.622.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		55.287.335.734	64.375.119.715
03	- Các khoản dự phòng		4.741.716.712	7.700.511.129
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(77.434.530.842)	(25.056.910.571)
06	- Chi phí lãi vay		117.927.102.063	112.188.187.985
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		343.110.861.026	344.235.531.139
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		6.971.698.433	(2.656.366.017)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(2.410.649.637)	656.156.999
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(236.898.557)	1.417.490.047
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		2.310.315.567	(1.217.157.234)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(72.213.660.517)	(95.095.736.053)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.953.224.588)	(24.319.289.267)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.441.277.500)	(3.303.210.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		272.137.164.227	219.717.419.614
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(7.000.000.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(980.700.000.000)	-
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		296.600.000.000	-
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(496.350.000.000)	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		51.430.827.776	24.958.860.706
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.136.019.172.224)	24.958.860.706
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.795.573.665.580	314.632.146.221
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(362.021.416.308)	(655.450.143.015)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(49.875.137.200)	(19.152.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.383.677.112.072	(340.837.148.794)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		519.795.104.075	(96.160.868.474)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.971.697.067	104.132.565.541
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	527.766.801.142	7.971.697.067

Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 837.896.580.000 VND, tương đương 83.789.658 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 54 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 53 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh Bất động sản.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt - Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại Thanh Hóa	Thanh Hoá	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Công ty và đơn vị trực thuộc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Các tài sản khác	03 năm
- Quyền sử dụng đất	65 năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí khảo sát, thăm dò, lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chi phí tư vấn, thẩm định và các chi phí trực tiếp khác của những dự án mới đang trong giai đoạn nghiên cứu triển khai và xin cấp giấy chứng nhận đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc.

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 02 đến 03 năm;
- Chi phí bản quyền phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực bản quyền theo hợp đồng tương ứng trong thời gian 01 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 03 năm.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trái phiếu phát hành được theo dõi theo từng loại mệnh giá, lãi suất và thời hạn phát hành của trái phiếu.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn, được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Thông tin chi tiết về giao dịch với bên liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty do Công ty công bố đồng thời Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

2.24 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Do hoạt động của Công ty chủ yếu là kinh doanh bán điện tại Thanh Hóa, các hoạt động còn lại là không trọng yếu nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	829.847.584	840.327.978
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.936.953.558	7.131.369.089
Các khoản tương đương tiền (*)	514.000.000.000	-
	527.766.801.142	7.971.697.067

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 - 2 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,2% đến 4,75%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Xem chi tiết Phụ lục 01.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	3.776.245.811	-	1.562.912.820	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	1.549.178.736	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	1.214.396.535	-	764.742.280	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	82.500.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	930.170.540	-	798.170.540	-
Bên khác	97.600.067.669	-	116.798.625.353	-
- Công ty Mua bán điện	97.391.446.391	-	116.594.475.145	-
- Các khách hàng khác	208.621.278	-	204.150.208	-
	101.376.313.480	-	118.361.538.173	-

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
- Công ty TNHH Công nghệ Kỹ nguyên mới	7.000.000.000	-
- Công ty TNHH HUDE Việt Nam	-	1.011.561.000
- Các đối tượng khác	1.000.590.646	427.354.326
	8.000.590.646	1.438.915.326

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Tạm ứng	335.263.254	-	343.973.426	-
- Ký cược, ký quỹ	13.397.117.788	-	3.302.955.308	-
+ Bà Lương Thị Lợi (1)	10.000.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	3.397.117.788	-	3.302.955.308	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2)	36.700.511.129	(36.700.511.129)	36.700.511.129	(36.700.511.129)
- Công ty Mua bán điện (3)	6.625.793.673	-	6.625.793.673	-
- Phải thu về cổ tức được chia	-	-	100.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	-	-	100.000.000	-
- Công ty Cổ phần Tasco (4)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay Bên khác	26.156.331.961	-	52.628.895	-
+ Ông Vũ Tuấn Cường	25.707.928.768	-	-	-
+ Các đối tượng khác	448.403.193	-	52.628.895	-
- Phải thu khác	4.934.296.712	(4.741.716.712)	4.934.296.712	-
	93.149.314.517	(46.442.227.841)	57.060.159.143	(41.700.511.129)
Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	1.118.462.400	-	1.118.462.400	-
	1.118.462.400	-	1.118.462.400	-

(1) Khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 1610/HĐĐC/VCP-CĐLL ngày 16/10/2025 để đảm bảo ký kết hợp đồng mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Linh Linh.

(2) Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt năm 2015 và 2016 thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký với Công ty. Theo Công văn số 306/NHPT.SGDI-BL ngày 19/07/2022 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khoản phải thu trên đang chờ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn để chi trả. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang tiếp tục đồn đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu hồi khoản công nợ này.

(3) Phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012HĐ-NMĐ-Cửa Đạt và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 11 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, Công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy Thủy điện Cửa Đạt mà Công ty đã chi trả. Số dư tại ngày 31/12/2025 là tiền chênh lệch tỷ giá năm 2019 chờ được thanh toán.

(4) Được thực hiện theo Thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

9 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khác				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36.700.511.129	-	36.700.511.129	-
- Công ty Cổ phần Tasco	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Các đối tượng khác	4.741.716.712	-	-	-
	46.442.227.841	-	41.700.511.129	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	16.558.902.037	-	14.151.188.458	-
- Công cụ, dụng cụ	44.649.872	-	41.713.814	-
	16.603.551.909	-	14.192.902.272	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Công trình Thủy điện Xuân Khao (*)	4.800.929.937	4.800.929.937
- Công trình khác	113.010.704	113.010.704
	4.913.940.641	4.913.940.641

(*) Dự án đang trong giai đoạn nghiên cứu triển khai theo Quyết định số 2021/QĐ-BCT ngày 06/06/2017 của Bộ Công Thương và nằm trong kế hoạch thực hiện quy hoạch theo Tờ trình số 644/TTr-BCT ngày 26/01/2024 của Bộ Công Thương trình Thủ tướng Chính phủ. Các chi phí phát sinh chủ yếu là chi phí khảo sát, thăm dò, lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xin giấy chứng nhận đầu tư.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 176 xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa (đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn theo khoản 1, Điều 12, Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, được sử dụng để xây dựng nhà máy thủy điện) có nguyên giá 200.000.000.000 VND, thời gian sử dụng đất đến ngày 10/08/2075. Giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2025 là 46.929.039.771 VND, trong đó khấu hao trong năm là 3.076.803.221 VND.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm	1.092.366.747	1.392.902.528
- Chi phí bản quyền phần mềm	1.092.000.000	728.000.000
	2.184.366.747	2.120.902.528
Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.704.054.754	4.077.834.540
	1.704.054.754	4.077.834.540

15 . CÁC KHOẢN VAY

Xem chi tiết Phụ lục 04.

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ	VND	khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.397.938.500	1.397.938.500	1.250.235.000	1.250.235.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	1.375.258.500	1.375.258.500	1.250.235.000	1.250.235.000
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	22.680.000	22.680.000	-	-
Bên khác	13.312.560.113	13.312.560.113	12.522.358.744	12.522.358.744
- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	10.037.533.489	10.037.533.489	8.596.925.958	8.596.925.958
- Công ty TNHH Xây dựng và Tư vấn Đức Lam	1.948.369.011	1.948.369.011	-	-
- Công ty TNHH Phát triển Khoa học Công nghệ ZHE LU	-	-	3.526.392.696	3.526.392.696
- Phải trả các đối tượng khác	1.326.657.613	1.326.657.613	399.040.090	399.040.090
	14.710.498.613	14.710.498.613	13.772.593.744	13.772.593.744

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	55.328.513.967	25.434.610.262
	55.328.513.967	25.434.610.262

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trong đó: Bên liên quan		
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	22.910.342.466	10.603.410.959
- Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	9.122.015.197	5.539.863.014
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	413.863.014	47.342.466
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	3.095.271.233	1.123.024.658
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	795.780.258	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	129.106.849	354.958.903
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	12.448.636.712	-
	48.915.015.729	17.668.600.000

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	107.513.820	99.230.420
- Bảo hiểm xã hội	3.766.500	6.804.000
- Cổ tức phải trả	4.056.243.164	3.657.585.564
- Phải trả khác	58.110.166	116.257.171
	4.225.633.650	3.879.877.155

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	119.750.010.000	14,29	159.250.010.000	19,01
- Công ty Cổ phần DH Holdings	147.805.800.000	17,64	2.518.000.000	0,30
- Công ty TNHH MTV V-Trade	77.035.500.000	9,19	1.925.000.000	0,23
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	59.284.690.000	7,07	59.284.690.000	7,07
- Ông Đỗ Tuấn Anh	11.473.200.000	1,37	72.807.800.000	8,69
- Ông Vũ Hà Nam	502.740.000	0,06	64.721.700.000	7,72
- Bà Phạm Thu Huyền	-	-	142.544.800.000	17,01
- Các cổ đông khác	422.044.640.000	50,38	334.844.580.000	39,97
	837.896.580.000	100,00	837.896.580.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	837.896.580.000	837.896.580.000
- Vốn góp cuối năm	837.896.580.000	837.896.580.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	3.657.585.564	3.676.737.564
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	50.273.794.800	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	50.273.794.800	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(49.875.137.200)	(19.152.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(49.875.137.200)	(19.152.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	4.056.243.164	3.657.585.564

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	83.789.658	83.789.658
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản cho thuê ngoài

Tài sản cho thuê ngoài là văn phòng làm việc có địa chỉ tại tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội và đường dây 110 KV Cửa Đạt - Mục Sơn - Ba Chè tại Thanh Hoá, được Công ty cho thuê như sau:

Tên khách hàng	Tài sản/Dịch vụ cho thuê	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Văn phòng làm việc	10.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Văn phòng làm việc	15.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Văn phòng làm việc	15.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Văn phòng làm việc	27.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty TNHH MTV Thủy điện Đak Robaye	Văn phòng làm việc	25.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	Văn phòng làm việc	20.000.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2026
Công ty Cổ phần NVT Holdings	Văn phòng làm việc	40.000.000	Từ 01/11/2025 đến 31/10/2026
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Đường dây 110 KV Cửa Đạt - Mục Sơn - Ba Chè và một số dịch vụ khác	40 VND/kWh	Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

b. Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích (m ²)	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội	Sử dụng làm văn phòng làm việc	614,00	250.512.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028
Thửa đất số 838 tờ bản đồ số 29, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	28.962,90	Miễn tiền thuê đất	Từ 23/10/2009 đến 23/10/2059

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	429.065.239.830	416.927.737.883
Doanh thu khác	15.503.827.980	51.136.273.422
	444.569.067.810	468.064.011.305

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán điện	107.499.396.869	109.812.592.143
Giá vốn khác	15.041.850.746	47.004.446.050
	122.541.247.615	156.817.038.193

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi cố định theo hợp đồng hợp tác (*)	43.004.650.842	191.470.571
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.429.880.000	24.865.440.000
	77.434.530.842	25.056.910.571

(*) Trong đó, lãi cố định theo hợp đồng hợp tác là khoản lợi nhuận hợp tác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất với số tiền 5.011.041.096 VND. Giá trị khoản hợp tác là 203.000.000.000 VND được hai bên hợp tác và thanh lý hợp đồng hợp tác trong năm.

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	126.677.102.063	112.188.187.985
	126.677.102.063	112.188.187.985

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	8.778.005.041	9.794.667.661
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	73.134.739	40.001.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	744.358.699	811.187.465
Thuế, phí, và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	4.741.716.712	7.700.511.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.325.138.954	16.828.017.490
Chi phí khác bằng tiền	3.241.269.681	5.358.180.529
	29.906.623.826	40.535.565.639

27 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ thuộc tính năng lượng (EACs)	-	1.421.707.529
Thu nhập khác	105.462.627	108.000.001
	105.462.627	1.529.707.530

28 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Các khoản bị phạt	394.850.416	81.214.708
	394.850.416	81.214.708

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	242.589.237.359	185.028.622.881
Các khoản điều chỉnh tăng	5.416.315.342	12.115.528.095
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132	-	4.011.127.258
- Chi phí dự phòng	4.741.716.712	7.700.511.129
- Chi phí khấu hao xe vượt 1,6 tỷ	279.748.214	322.675.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	394.850.416	81.214.708
Các khoản điều chỉnh giảm	(65.308.952.410)	(24.865.440.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(34.429.880.000)	(24.865.440.000)
- Chi phí lãi vay không được trừ các năm trước được chuyển sang năm nay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	(30.879.072.410)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	182.696.600.291	172.278.710.976
- Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh điện	139.229.972.215	166.725.176.075
- Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác	43.466.628.076	5.553.534.901
Thuế suất thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh điện	20%	10%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	36.539.320.058	17.783.224.588
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh điện	27.845.994.443	16.672.517.608
- Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh khác (Thuế suất 20%)	8.693.325.615	1.110.706.980
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.946.558.256	8.482.622.935
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.953.224.588)	(24.319.289.267)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	35.532.653.726	1.946.558.256

Phần chi phí lãi vay không được trừ theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Số chi phí lãi vay thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng. Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 của Chính phủ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

Năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Chi phí lãi vay vượt quá 30% EBITDA không được trừ các năm	Chi phí lãi vay không được trừ đã sử dụng	Chi phí lãi vay không được trừ còn được chuyển sang các năm tính thuế sau
		VND	VND	VND
2020	Chưa thanh tra	9.844.091.314	9.844.091.314	-
2021	Chưa thanh tra	48.467.606.712	21.034.981.096	27.432.625.616
2023	Chưa thanh tra	16.891.020.019	-	16.891.020.019
2024	Chưa thanh tra	4.011.127.258	-	4.011.127.258

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá khả năng Công ty được kết chuyển các khoản chi phí lãi vay không được trừ này sang các năm tiếp theo là chưa chắc chắn. Do đó, không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào liên quan đến các khoản này được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán năm nay.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.152.395.638	3.538.480.072
Chi phí nhân công	17.780.667.209	19.623.745.779
Chi phí khấu hao TSCĐ	55.287.335.734	64.375.119.715
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.153.506.975	89.651.668.221
Chi phí khác bằng tiền	10.073.965.885	20.163.590.045
	152.447.871.441	197.352.603.832

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	526.936.953.558	-	526.936.953.558
Phải thu khách hàng, phải thu khác	148.083.400.156	1.118.462.400	149.201.862.556
Các khoản cho vay	549.100.000.000	135.000.000.000	684.100.000.000
	1.224.120.353.714	136.118.462.400	1.360.238.816.114
Tại ngày 01/01/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.131.369.089	-	7.131.369.089
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.721.186.187	1.118.462.400	134.839.648.587
	140.852.555.276	1.118.462.400	141.971.017.676

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025				
Vay và nợ	381.398.432.822	1.727.115.410.959	642.750.000.000	2.751.263.843.781
Phải trả người bán, phải trả khác	18.936.132.263	-	-	18.936.132.263
Chi phí phải trả	55.328.513.967	-	-	55.328.513.967
	455.663.079.052	1.727.115.410.959	642.750.000.000	2.825.528.490.011
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	214.618.142.104	696.273.914.564	391.000.000.000	1.301.892.056.668
Phải trả người bán, phải trả khác	17.652.470.899	-	-	17.652.470.899
Chi phí phải trả	25.434.610.262	-	-	25.434.610.262
	257.705.223.265	696.273.914.564	391.000.000.000	1.344.979.137.829

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.295.573.665.580	314.632.146.221
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	500.000.000.000	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	362.021.416.308	655.450.143.015

33 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 17/12/2025, Công ty đã công bố thông tin về kế hoạch nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Linh Linh (Linh Linh) theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty có thể nhận chuyển nhượng từ các cổ đông hiện hữu của Linh Linh để sở hữu đến 51% vốn điều lệ, qua đó trở thành Công ty mẹ của Công ty này. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện giao dịch này tính đến ngày 31/12/2025. Ngoài ra, Công ty đã chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng mệnh giá là 500.000.000.000 VND để mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành (Thuyết minh 15). Công ty đã đàm phán mức giá dự kiến mua 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Linh Linh với bà Lương Thị Lợi là 545.700.000.000 VND và đang thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng, đồng thời đã đặt cọc 10.000.000.000 VND để đảm bảo ký kết hợp đồng mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Linh Linh (Thuyết minh 8).

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

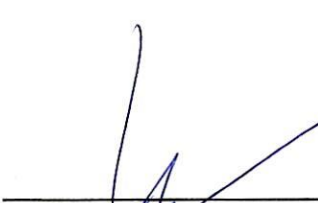
35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

	Hoạt động kinh doanh điện VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	429.065.239.830	15.503.827.980	444.569.067.810
Giá vốn hàng bán	107.499.396.869	15.041.850.746	122.541.247.615
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	321.565.842.961	461.977.234	322.027.820.195
Tổng chi phí mua TSCĐ			-
Tài sản bộ phận	562.064.898.750	39.061.644.816	601.126.543.566
Tài sản không phân bổ			4.102.523.428.431
Tổng tài sản	562.064.898.750	39.061.644.816	4.703.649.971.997
Nợ phải trả của các bộ phận	2.824.580.067.627	1.048.422.384	2.825.628.490.011
Nợ phải trả không phân bổ			55.934.734.266
Tổng nợ phải trả	2.824.580.067.627	1.048.422.384	2.881.563.224.277

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

31/12/2025				01/01/2025			
Mã CK		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty con							
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	(2)	25.500.000.000		-	25.500.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	(1)	XMP 76.500.000.000	120.870.000.000	-	76.500.000.000	122.400.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	(2)	178.000.000.000		-	178.000.000.000		-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	(2)	181.000.000.000		-	181.000.000.000		-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	(2)	500.326.258.080		-	500.326.258.080		-
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(2)	19.900.000.000		-	19.900.000.000		-
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(2)	266.000.000.000		-	266.000.000.000		-
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	(2)	1.095.000.000.000		-	1.095.000.000.000		-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3 (*)	(2)	496.350.000.000		-	-		-
		2.838.576.258.080		-	2.342.226.258.080		-

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định theo giá đóng cửa của chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025.

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 08/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt phương án đầu tư, Công ty thực hiện huy động vốn và đầu tư vào Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3 với tổng giá trị là 496.350.000.000 VND, việc mua khoản đầu tư được hoàn thành vào ngày 11/12/2025.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Quảng Ngãi	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	Quảng Ngãi	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Sơn La	82,76%	82,76%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Hà Nội	99,50%	99,50%	Sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy điện
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Bắc Ninh	99,55%	99,55%	Xử lý nước thải, rác thải, bán điện
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3	Quảng Ngãi	99,27%	99,27%	Sản xuất và kinh doanh điện năng

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY

	01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
Bên khác				
- Ông Vũ Tuấn Cường	-	177.000.000.000	177.000.000.000	-
Cho vay dài hạn đến hạn phải thu				
- Ông Vũ Tuấn Cường (1)	-	549.100.000.000	-	549.100.000.000
	-	726.100.000.000	177.000.000.000	549.100.000.000
b. Dài hạn				
Bên liên quan				
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	-	8.000.000.000	8.000.000.000	-
Bên khác				
- Ông Vũ Tuấn Cường (1)	-	795.700.000.000	111.600.000.000	684.100.000.000
	-	803.700.000.000	119.600.000.000	684.100.000.000
Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng	-	(549.100.000.000)	-	(549.100.000.000)
Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng	-			135.000.000.000

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

Stt	Hợp đồng cho vay	Mục đích cho vay	Lãi suất năm	Thời hạn cho vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025 VND
(1)	Số 03/2025/HĐTD-VCP ngày 23/01/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	33.800.000.000
	Số 05cv/2025/HĐTD-VCP ngày 31/03/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	9,1%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	17.000.000.000
	Số 06cv/2025/HĐTD-VCP ngày 14/04/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	7,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	187.900.000.000
	Số 07cv/2025/HĐTD-VCP ngày 15/04/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	7,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	100.000.000.000
	Số 08cv/2025/HĐTD-VCP ngày 21/04/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	35.000.000.000
	Số 11cv/2025/HĐTD-VCP ngày 03/07/2025 và phụ lục	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	1.400.000.000
	Số 12cv/2025/HĐTD-VCP ngày 01/08/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	15.000.000.000
	Số 15cv/2025/HĐTD-VCP ngày 05/09/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	25.000.000.000
	Số 17cv/2025/HĐTD-VCP ngày 23/10/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	27.000.000.000
	Số 18cv/2025/HĐTD-VCP ngày 29/10/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	24 tháng	Đảm bảo bằng tài sản (i)	135.000.000.000
	Số 20cv/2025/HĐTD-VCP ngày 10/12/2025	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	8,5%	12 tháng 1 ngày	Đảm bảo bằng tài sản (i)	107.000.000.000
						684.100.000.000

(i) Tài sản đảm bảo là cổ phần của bên thứ ba tại các Công ty khác.

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	679.755.040.957	544.421.118.322	5.682.320.909	2.660.538.040	30.000.000	1.232.549.018.228
Số dư cuối năm	679.755.040.957	544.421.118.322	5.682.320.909	2.660.538.040	30.000.000	1.232.549.018.228
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	340.515.325.390	515.823.560.245	4.181.112.631	2.627.300.788	30.000.000	863.177.299.054
- Khấu hao trong năm	23.918.244.113	27.529.149.449	729.901.699	33.237.252	-	52.210.532.513
Số dư cuối năm	364.433.569.503	543.352.709.694	4.911.014.330	2.660.538.040	30.000.000	915.387.831.567
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	339.239.715.567	28.597.558.077	1.501.208.278	33.237.252	-	369.371.719.174
Tại ngày cuối năm	315.321.471.454	1.068.408.628	771.306.579	-	-	317.161.186.661

Trong đó, nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2025 của Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt lần lượt là 1.226.333.266.774 VND và 909.943.386.691 VND.

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 316.389.880.083 VND;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 546.895.254.405 VND.

Phụ lục 04 : CÁC KHOẢN VAY

		01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn					
Vay ngắn hạn		94.767.955.836	230.481.884.758	255.177.894.250	70.071.946.344
- Vay cá nhân	(1)	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	(2)	-	3.000.000.000	2.500.000.000	500.000.000
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4		50.000.000.000	2.308.219.178	52.308.219.178	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La		-	15.000.000.000	15.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	(3)	10.010.925.124	49.888.204.700	42.787.450.030	17.111.679.794
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	(4)	34.757.030.712	108.785.460.880	92.582.225.042	50.960.266.550
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		119.850.186.268	235.578.041.446	44.101.741.236	311.326.486.478
- Vay cá nhân	(5)	69.930.186.268	4.073.950.489	28.101.741.236	45.902.395.521
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(6)	-	29.000.000.000	-	29.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	(7)	-	6.000.000.000	-	6.000.000.000
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	(9)	-	144.755.176.393	-	144.755.176.393
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	(10)	29.920.000.000	12.000.000.000	-	41.920.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	(11)	16.000.000.000	10.000.000.000	16.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(12)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	(13)	-	800.000.000	-	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	(14)	-	28.948.914.564	-	28.948.914.564
		214.618.142.104	466.059.926.204	299.279.635.486	381.398.432.822

Phụ lục 04 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

		01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
		Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND
b. Vay dài hạn					
Vay dài hạn		1.207.124.100.832	1.141.969.537.841	159.151.741.236	2.189.941.897.437
- Vay cá nhân	(5)	69.930.186.268	4.073.950.489	28.101.741.236	45.902.395.521
- Ông Vũ Tuấn Cường		73.800.000.000	-	73.800.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	(6)	-	372.900.000.000	21.000.000.000	351.900.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	(7)	-	276.390.410.959	2.000.000.000	274.390.410.959
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(8)	251.500.000.000	-	2.750.000.000	248.750.000.000
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	(9)	91.150.000.000	53.605.176.393	-	144.755.176.393
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	(10)	29.920.000.000	12.000.000.000	-	41.920.000.000
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	(11)	16.000.000.000	19.000.000.000	25.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	(12)	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	(13)	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	(14)	670.823.914.564	400.000.000.000	6.500.000.000	1.064.323.914.564
Trái phiếu thường	(15)	-	491.250.000.000	-	491.250.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		-	(8.750.000.000)	-	(8.750.000.000)
		1.207.124.100.832	1.633.219.537.841	159.151.741.236	2.681.191.897.437
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(119.850.186.268)	(235.578.041.446)	(44.101.741.236)	(311.326.486.478)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		1.087.273.914.564			2.369.865.410.959

Phụ lục 04 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	3 tháng	7,3%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(2)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	12 tháng	8,0%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(3)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bảo đảm bằng tài sản
(4)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm đầu tư TSCĐ	Bảo đảm bằng tài sản
Dài hạn					
(5)	Vay cá nhân	12 tháng + 1 ngày	Từ 7,3%/năm đến 11,3%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(6)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3	Từ 18 đến 24 tháng	Từ 4,6%/năm đến 7,3%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(7)	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Từ 12 tháng + 1 ngày đến 60 tháng	Từ 7%/năm đến 8,7%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(8)	Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	24 tháng	Từ 3%/năm đến 5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(9)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 4	Từ 12 tháng + 1 ngày đến 24 tháng	5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(10)	Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Từ 12 tháng + 1 ngày đến 18 tháng	Từ 5%/năm đến 7,5%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(11)	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	12 tháng + 1 ngày	8,3%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(12)	Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	12 tháng + 1 ngày	7,7%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(13)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	Hệ thống điện mặt trời mái nhà lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh

Phụ lục 04 : CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

c. Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Dài hạn (14)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Tài trợ nhận chuyển nhượng 99,55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh Đầu tư mua 99,27% vốn góp của Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3	Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt bao gồm Tài sản gắn liền với đất và Máy móc thiết bị của Nhà máy

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

d. Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:

STT	Loại trái phiếu	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích phát hành	Hình thức bảo đảm	Tổng giá trị đã phát hành VND	Chi phí phát hành trái phiếu VND
(15)	Trái phiếu thường dài hạn Loại phát hành theo mệnh giá	36 tháng (từ 25/12/2025 đến 25/12/2028)	2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau là 10,2%/năm	Mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành	Đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 39.223.482 cổ phần VCP, thuộc sở hữu của bên bảo đảm	500.000.000.000	8.750.000.000

Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Trong năm		31/12/2025
	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND
- Thuế Giá trị gia tăng	2.644.359.588	36.082.779.354	38.727.138.942	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.946.558.256	36.539.320.058	2.953.224.588	35.532.653.726
- Thuế Thu nhập cá nhân	618.848.815	2.701.273.006	2.577.519.063	742.602.758
- Thuế Tài nguyên (*)	3.506.810.533	64.396.137.448	61.991.661.502	5.911.286.479
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.700.825.648	26.737.391.200	25.939.178.428	6.499.038.420
	14.417.402.840	166.456.901.066	132.188.722.523	48.685.581.383

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	837.896.580.000	5.940.175.148	389.589.351.149	271.417.513.629	1.504.843.619.926
Lãi trong năm trước	-	-	-	167.245.398.293	167.245.398.293
Phân phối lợi nhuận	-	-	86.021.258.452	(88.119.651.452)	(2.098.393.000)
Số dư cuối năm trước	837.896.580.000	5.940.175.148	475.610.609.601	350.543.260.470	1.669.990.625.219
Lãi trong năm nay	-	-	-	206.049.917.301	206.049.917.301
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	113.291.603.493	(167.245.398.293)	(53.953.794.800)
Số dư cuối năm nay	837.896.580.000	5.940.175.148	588.902.213.094	389.347.779.478	1.822.086.747.720

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số phân phối theo Nghị quyết VND	Số thực tế phân phối VND	Chênh lệch VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.344.000.000	3.344.000.000	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	113.291.603.493	113.291.603.493	-
Phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	336.000.000	336.000.000	-
Chi trả cổ tức	50.273.794.800	50.273.794.800	-
	167.245.398.293	167.245.398.293	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 53
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thùy Lâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này là ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Phạm Văn Minh - Tổng Giám đốc được ông Vũ Ngọc Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 theo Quyết định số 120/2021/QĐ-HĐQT ngày 08/11/2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP được lập ngày 24 tháng 03 năm 2026, từ trang 5 đến trang 53, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Mạnh Cường

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2025-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

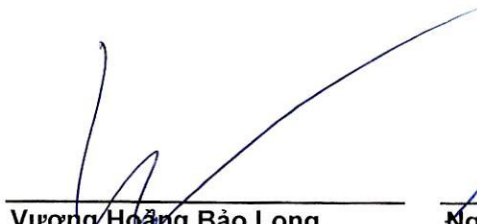
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.363.966.786.952	1.200.252.360.627
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	849.561.026.373	487.400.155.359
111	1. Tiền		209.257.671.947	479.116.448.274
112	2. Các khoản tương đương tiền		640.303.354.426	8.283.707.085
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.921.530.301	10.741.315.069
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	10.921.530.301	10.741.315.069
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.135.358.799.884	481.103.968.449
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	270.213.878.125	327.084.546.730
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	154.073.454.897	8.056.034.757
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	622.408.095.357	73.308.095.357
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	155.880.663.401	129.158.053.063
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(67.217.291.896)	(56.502.761.458)
140	IV. Hàng tồn kho	11	341.702.542.828	203.987.020.903
141	1. Hàng tồn kho		341.711.338.828	203.995.816.903
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.796.000)	(8.796.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		26.422.887.566	17.019.900.847
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	16	9.025.563.337	9.320.343.405
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		17.397.324.229	7.354.386.280
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	-	345.171.162
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.951.071.747.414	3.602.136.339.830
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		939.246.109.369	545.199.534.400
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	135.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	804.246.109.369	545.199.534.400
220	II. Tài sản cố định		2.613.197.778.841	2.789.639.444.801
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	2.416.979.193.978	2.600.434.285.452
222	- Nguyên giá		4.695.339.085.001	4.634.857.925.066
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.278.359.891.023)	(2.034.423.639.614)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	14	10.773.797.767	-
225	- Nguyên giá		11.215.344.443	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(441.546.676)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	15	185.444.787.096	189.205.159.349
228	- Nguyên giá		235.992.356.452	235.837.356.452
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.547.569.356)	(46.632.197.103)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		209.869.968.347	51.484.014.392
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	209.869.968.347	51.484.014.392
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	557.665.294	1.569.633.602
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.011.968.308
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		732.000.000	732.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(174.334.706)	(174.334.706)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		188.200.225.563	214.243.712.635
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	31.625.879.972	27.641.202.662
269	2. Lợi thế thương mại	17	156.574.345.591	186.602.509.973
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.315.038.534.366	4.802.388.700.457

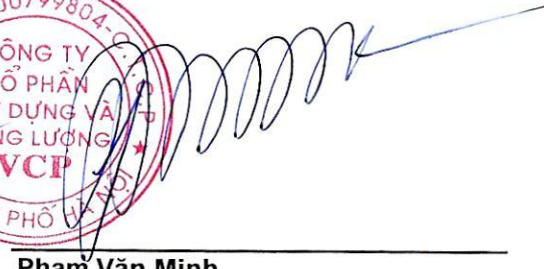
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.860.286.954.293	2.754.322.132.554
310	I. Nợ ngắn hạn		1.029.651.984.935	768.138.564.532
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	172.148.546.765	108.252.414.065
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		6.323.494.379	2.154.982.447
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	76.399.940.977	30.170.995.616
314	4. Phải trả người lao động		15.109.835.829	32.559.736.781
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	21.476.483.785	22.870.523.633
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	70.938.733.538	70.093.964.334
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	656.318.097.213	492.733.779.072
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.936.852.449	9.302.168.584
330	II. Nợ dài hạn		2.830.634.969.358	1.986.183.568.022
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	-	74.361.512.590
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	2.830.634.969.358	1.911.822.055.432
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.454.751.580.073	2.048.066.567.903
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.454.751.580.073	2.048.066.567.903
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		837.896.580.000	837.896.580.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		837.896.580.000	837.896.580.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		5.940.175.148	5.940.175.148
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		629.107.071.262	499.895.424.557
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	4.258.537.955
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		673.840.858.197	415.249.386.106
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		232.379.905.740	108.727.981.769
421b	LNST chưa phân phối năm nay		441.460.952.457	306.521.404.337
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		307.966.895.466	284.826.464.137
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.315.038.534.366	4.802.388.700.457


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	2.286.794.340.166	1.772.499.363.276
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.286.794.340.166	1.772.499.363.276
11	4. Giá vốn hàng bán	26	1.490.160.474.664	1.116.855.140.173
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		796.633.865.502	655.644.223.103
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	54.289.144.648	7.317.004.788
22	7. Chi phí tài chính	28	183.082.309.830	178.801.177.577
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		183.053.969.616	177.721.813.475
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	(683.045.824)
25	9. Chi phí bán hàng	29	12.662.910.969	9.359.239.346
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	107.837.271.509	115.107.809.533
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		547.340.517.842	359.009.955.611
31	12. Thu nhập khác	31	469.675.660	2.830.598.155
32	13. Chi phí khác	32	6.333.081.446	1.559.709.709
40	14. Lợi nhuận khác		(5.863.405.786)	1.270.888.446
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		541.477.112.056	360.280.844.057
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33	60.374.428.694	26.705.664.907
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>481.102.683.362</u>	<u>333.575.179.150</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		441.460.952.457	306.521.404.337
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		39.641.730.905	27.053.774.813
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	5.269	3.658

Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng

Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		541.477.112.056	360.280.844.057
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		279.512.414.528	283.994.997.497
03	- Các khoản dự phòng		10.714.530.438	15.640.929.433
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		18.304.253	565.681.042
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(50.077.485.502)	(6.597.346.237)
06	- Chi phí lãi vay		174.303.969.616	178.178.124.203
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		955.948.845.389	832.063.229.995
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		(197.099.066.704)	(155.938.602.785)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(137.715.521.925)	(105.103.205.906)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(62.727.694.737)	115.752.906.030
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(3.544.386.069)	35.974.212
14	- Tiền lãi vay đã trả		(184.623.248.758)	(183.007.812.940)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(20.287.581.485)	(32.405.725.202)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.286.617.915)	(9.049.228.415)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		342.664.727.796	462.347.534.989
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(84.137.085.091)	(79.090.267.148)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		655.979.791	4.545.455
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(972.880.215.232)	(52.873.364.669)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		288.600.000.000	71.892.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(496.178.470.675)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		23.245.543.501	5.847.247.162
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.240.694.247.706)	(54.219.839.200)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.322.757.270.107	680.643.482.542
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(993.956.378.115)	(788.699.259.035)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(767.528.898)	-
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(67.836.055.439)	(13.214.165.183)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.260.197.307.655	(121.269.941.676)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		362.167.787.745	286.857.754.113

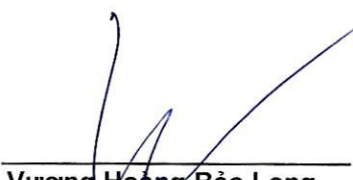
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

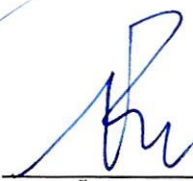
Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		487.400.155.359	200.542.401.246
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.916.731)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	849.561.026.373	487.400.155.359


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2025****1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 837.896.580.000 VND, tương đương 83.789.658 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 1.121 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 1033 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; kinh doanh bất động sản;
- Xử lý nước thải, rác thải, bán điện.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu nhà Quản lý điều hành các công trình thủy điện tại thôn Trung Chính, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	51,00%	51,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	Thôn Măng Đen, xã Măng Đen, tỉnh Quảng Ngãi	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**Cấu trúc tập đoàn (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 4	Thôn 1, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	Số 43 Dương Quảng Hàm, phường Phú Thủy, tỉnh Lâm Đồng	100,00%	100,00%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	Số 144, đường Trường Chinh, tổ 4, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La	82,76%	82,76%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	205A Nguyễn Xí, phường Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh	43,08%	52,06%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội	99,50%	99,50%	Xây dựng và cơ điện
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, tỉnh Bắc Ninh	99,55%	99,55%	Xử lý nước thải, rác thải, bán điện
Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3	Thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi	99,27%	99,27%	Sản xuất, kinh doanh điện năng

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên doanh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh năm báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh và ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm: khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 35 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Các tài sản khác	03 - 25 năm
- Quyền sử dụng đất	65 năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty thực hiện kế toán cho BCC với Chosun Refractories Eng Co., Ltd, ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí và lợi nhuận sau thuế của BCC trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Chi phí của BCC bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia BCC. Công ty có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại – HHK sẽ thực hiện kế toán cho BCC và các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần lợi nhuận sau thuế tương ứng với phần được chia theo thông báo từ BCC.

2.16 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí nạo vét lòng hồ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm;
- Chi phí thuê văn phòng được phân bổ theo thời gian thuê;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm.

2.17 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.18 . Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trái phiếu phát hành được theo dõi theo từng loại mệnh giá, lãi suất và thời hạn phát hành của trái phiếu.

2.19 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.20 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí lương, thưởng và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay;
- Lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b. Chính sách ưu đãi thuế

Các Công ty đang được hưởng chính sách ưu đãi miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ hoạt động thủy điện, lĩnh vực bảo vệ môi trường và hoạt động điện rác; và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo gồm:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La;
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh;
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye;
- Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh.

c. Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Miễn thuế đối với hoạt động thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường và hoạt động điện rác;
- Thuế suất 10% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy điện;
- Thuế suất 20% đối với các hoạt động còn lại.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . HỢP NHẤT KINH DOANH

Mua Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3

Vào ngày 11/12/2025, Tập đoàn đã mua 99,27% vốn điều lệ của Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3, một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6101262002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) cấp lần đầu ngày 19/08/2019 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau đó. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3 là sản xuất, kinh doanh điện năng. Tập đoàn mua cho mục đích đầu tư các dự án tiềm năng.

Giá trị hợp lý của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được của Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3 vào ngày hợp nhất kinh doanh, lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát	Các điều chỉnh theo giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát VND
Tài sản			
Tiền	171.529.325	-	171.529.325
Các khoản phải thu	533.281.372.425	-	533.281.372.425
Tài sản cố định hữu hình (thuần)	1.255.113.662	-	1.255.113.662
Chi phí trả trước dài hạn	145.511.173	-	145.511.173
Xây dựng cơ bản dở dang	110.507.061.127	-	110.507.061.127
Các tài sản khác	9.158.793.774	-	9.158.793.774
Cộng tài sản	654.519.381.486	-	654.519.381.486
Nợ phải trả	154.507.260.270	-	154.507.260.270
Cộng nợ phải trả	154.507.260.270	-	154.507.260.270
Tổng giá trị tài sản thuần	500.012.121.216		500.012.121.216
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát			3.650.088.485
Tổng giá trị tài sản thuần tương ứng với lợi ích của Tập đoàn (99,27%)			496.362.032.731
Tổng giá phí của khoản đầu tư này			496.350.000.000
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ từ hợp nhất kinh doanh (Thuyết minh số 31)			12.032.731

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Tiền mặt	13.040.634.538	6.890.231.347
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	196.217.037.409	472.226.216.927
Các khoản tương đương tiền (*)	640.303.354.426	8.283.707.085
	849.561.026.373	487.400.155.359

(*) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 11 đến 72 ngày được gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần với lãi suất từ 0,5%/năm đến 4,75%/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 01.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty Mua bán điện	106.874.936.913	-	187.495.944.523	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	32.367.050.947	-	26.055.532.324	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	18.576.780.048	-	18.446.452.769	-
- Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	24.311.451.349	-	5.883.066.940	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Hòa	-	-	20.323.319.500	-
- Công ty TNHH BHFLEX Vina	8.220.333.168	-	8.075.275.020	-
- Phải thu các khách hàng khác	79.863.325.700	(274.513.191)	60.804.955.654	(274.513.191)
	270.213.878.125	(274.513.191)	327.084.546.730	(274.513.191)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	10.750.580.830	-	-	-
- Balino S.A.U	30.930.538.115	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Thiết kế và Chế tạo thiết bị điện - EEMC	17.817.977.000	-	-	-
- BQLDA Đầu tư Xây dựng huyện Kon Plông	18.779.447.991	-	2.178.700.000	-
- Công ty TNHH HUDE Việt Nam	-	-	1.011.561.000	-
- Công ty TNHH Thiết bị công nghiệp và Cầu trục Trung Nguyên	11.510.132.169	-	-	-
- Công ty TNHH Công nghệ Kỹ nguyên mới	7.000.000.000	-	-	-
- Trả trước cho đối tượng khác	57.284.778.792	(419.507.156)	4.865.773.757	(419.507.156)
	154.073.454.897	(419.507.156)	8.056.034.757	(419.507.156)

8 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

Xem chi tiết Phụ lục 02.

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a. Ngắn hạn				
- Tạm ứng hoạt động kinh doanh	9.790.537.426	-	10.499.787.608	-
- Tạm ứng thực hiện dự án (1)	8.225.303.334	-	2.090.791.334	-
Bên liên quan				
+ Ông Khúc Ngọc Hưng	2.675.805.334	-	2.090.791.334	-
Bên khác				
+ Đối tượng khác	5.549.498.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	40.617.129.727	-	8.838.385.308	-
+ Bà Lương Thị Lợi (2)	10.000.000.000	-	-	-
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Thành (3)	20.500.000.000	-	-	-
+ Các đối tượng khác	10.117.129.727	-	8.838.385.308	-
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	30.966.636.192	-	4.113.204.778	-
Bên khác				
+ Ông Vũ Tuấn Cường	25.707.928.768	-	-	-
+ Các đối tượng khác	5.258.707.424	-	4.113.204.778	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (4)	36.700.511.129	(36.700.511.129)	36.700.511.129	(36.700.511.129)
- Công ty Cổ phần Tasco (5)	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
- Công ty mua bán điện (6)	6.625.793.673	-	6.625.793.673	-
- Phải thu về lỗ hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 22)	-	-	39.264.338.896	-
- Thủ lao HĐQT, Ban Kiểm soát	1.200.000.000	-	912.000.000	-
- Phải thu về chi hộ tiền giải phóng mặt bằng của Dự án xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa (nay là xã Đông Lỗ), tỉnh Bắc Ninh (7)	8.098.682.251	-	7.777.198.615	-
- Phải thu khác	8.656.069.669	(5.146.714.663)	7.336.041.722	(334.997.951)
	155.880.663.401	(46.847.225.792)	129.158.053.063	(42.035.509.080)

9 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b. Dài hạn				
- Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK (8)	523.200.000.000	-	-	-
- Ông Đỗ Hoàng Dương (9)	266.800.000.000	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	14.246.109.369	-	545.199.534.400	-
Bên khác	14.246.109.369	-	545.199.534.400	-
+ Ông Đoàn Mạnh Hưng	-	-	538.839.752.000	-
+ Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi (10)	7.811.096.288	-	-	-
+ Đối tượng khác	6.435.013.081	-	6.359.782.400	-
	804.246.109.369	-	545.199.534.400	-

(1) Tạm ứng thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba, Dự án Nhà máy thủy điện Đak Lô 1 và Dự án Nhà máy thủy điện Đak Lô 3 (Thuyết minh 12).

(2) Khoản đặt cọc theo hợp đồng đặt cọc số 1610/HĐĐC/VCP-CĐLL ngày 16/10/2025 để đảm bảo ký kết hợp đồng mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Linh Linh.

(3) Các hợp đồng tiền gửi được cầm cố cho hợp đồng cấp tín dụng số 25/25098568-CTD/060 ký ngày 23 tháng 12 năm 2025 (chưa thực hiện giải ngân).

(4) Khoản tiền Nhà nước hỗ trợ lãi suất sau đầu tư cho Dự án Thủy điện Cửa Đạt năm 2015 và 2016 thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo các Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư đã ký với Công ty. Theo Công văn số 306/NHPT.SGDI-BL ngày 19/07/2022 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam, khoản phải thu trên đang chờ Ngân sách nhà nước cấp bổ sung nguồn vốn để chi trả. Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang tiếp tục đôn đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam để thu hồi khoản công nợ này.

(5) Được thực hiện theo Thỏa thuận nguyên tắc về việc hợp tác đầu tư năm 2021 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tasco để thực hiện nghiên cứu, triển khai việc đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

(6) Phải thu về tiền chênh lệch tỷ giá theo Hợp đồng mua bán điện số 06/2012HĐ-NMĐ-Cửa Đạt và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 11 giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Theo đó, Công ty được thanh toán phần chênh lệch tỷ giá đối với các khoản vay ngoại tệ để nhập khẩu thiết bị xây dựng nhà máy Thủy điện Cửa Đạt mà Công ty đã chi trả. Số dư tại ngày 31/12/2025 là tiền chênh lệch tỷ giá năm 2019 chờ được thanh toán.

(7) Khoản phải thu chủ đầu tư của Dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa là Liên danh Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK (gọi tắt là "Liên danh 2 Công ty"), khi Công ty ứng trước tiền cho Liên danh 2 Công ty để hoàn trả cho UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (nay là xã Đông Lỗ, tỉnh Bắc Ninh) đã thực hiện chi cho hạng mục giải phóng mặt bằng của Dự án. Hiện tại các bên đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20251105/BCC/NSX-HHK ngày 05/11/2025 để thực hiện dự án trên.

(8) Khoản phải thu Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20251105/BCC/NSX-HHK ngày 05/11/2025 về góp vốn đầu tư để thực hiện "Dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa" theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14/03/2024 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh Bắc Giang (nay là UBND tỉnh Bắc Ninh) và Đề án điều chỉnh quy hoạch điện VIII, danh mục dự án nguồn điện rác đề xuất phát triển trong tổng công suất phân bổ tăng thêm cho địa phương đã được Bộ Công thương phê duyệt.

9 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(9) Khoản tiền góp vốn cho ông Đỗ Hoàng Dương để thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 0112/2025/HTĐT/HHK-DHD ngày 01/12/2025. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn cho ông Đỗ Hoàng Dương thực hiện tìm kiếm, đầu tư, mua bán, giao dịch các cổ phiếu chưa niêm yết được phép lưu hành, phần vốn góp của các doanh nghiệp có khả năng sinh lời cao.

(10) Khoản ký quỹ theo Thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư số 09-TTKQ ngày 28/06/2024 và số 13-TTKQ ngày 11/10/2024 cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum (nay là Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi) nhằm bảo đảm thực hiện dự án Thủy điện Đak Lô 1 và Đak Lô 3.

10 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có	Giá gốc	Giá trị có
	VND	thể thu hồi	VND	thể thu hồi
		VND		VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây dựng nguồn điện	274.513.191	-	274.513.191	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Thiết bị và Xây dựng Trảng An	185.210.341	-	185.210.341	-
- Doanh nghiệp tư nhân Đức Chi	109.508.815	-	109.508.815	-
- Đối tượng khác	124.788.000	-	124.788.000	-
Phải thu về cho vay				
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (*)	19.676.045.757	-	19.676.045.757	5.902.813.726
Phải thu khác				
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam	36.700.511.129	-	36.700.511.129	-
- Công ty Cổ phần Tasco	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Đối tượng khác	5.251.714.663	105.000.000	509.997.951	175.000.000
	67.322.291.896	105.000.000	62.580.575.184	6.077.813.726

(*) Được đánh giá dựa theo thời gian quá hạn theo quy định của hợp đồng tương ứng với mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

11 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	27.873.550.753	-	24.601.262.307	-
- Nguyên vật liệu	61.205.636.822	-	35.866.215.589	-
- Công cụ, dụng cụ	7.245.471.662	-	4.717.383.157	-
- Thành phẩm	7.617.982.398	-	5.336.377.932	-
- Hàng hóa (*)	237.768.697.193	(8.796.000)	133.474.577.918	(8.796.000)
	341.711.338.828	(8.796.000)	203.995.816.903	(8.796.000)

(*) Trong đó, giá trị hàng tồn kho đã lỗi thời là hàng điện lạnh đang chờ thanh lý: 29.320.000 VND.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
- Mua sắm xe ô tô		29.553.240.737	-
- Xây dựng cơ bản		180.193.579.462	51.484.014.392
+ Dự án Nhà máy Thủy điện Thác Ba	(1)	11.948.431.675	11.948.431.675
+ Dự án Nhà máy thủy điện Đak Lô 1	(2)	87.681.357.912	-
+ Dự án Nhà máy thủy điện Đak Lô 3	(3)	41.116.125.108	-
+ Dự án Thủy điện Đak lô 4	(4)	34.463.516.626	34.551.434.576
+ Dự án khác		4.984.148.141	4.984.148.141
- Sửa chữa lớn		123.148.148	-
		209.869.968.347	51.484.014.392

(1) Dự án Thủy điện Thác Ba theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4474656452 cấp lần đầu ngày 26/09/2013, thay đổi lần thứ 3 ngày 12/07/2019:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Tên Dự án: Nhà máy Thủy điện Thác Ba;
- Mục tiêu: Đầu tư quy mô công suất 18 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm 69,73 triệu Kwh;
- Địa chỉ dự án: xã La Dạ, huyện Hàm Thuận Bắc và xã Mỹ Thạnh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận (nay là xã La Dạ và xã Hàm Thạnh, tỉnh Lâm Đồng);
- Tổng vốn dự án: 537 tỷ VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2025: Dự án đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ pháp lý, các chi phí đang theo dõi là các chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn.

(2) Dự án Thủy điện Đăk Lô 1 theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 420/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 16/05/2021 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thay đổi lần thứ 2 ngày 24/06/2025:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3;
- Tên Dự án: Công trình thủy điện Đăk Lô 1;
- Mục tiêu: Đầu tư quy mô công suất 12 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm (Eo) 39,194 triệu Kwh;
- Địa chỉ dự án: Trên suối Đak Lô, xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (nay là xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi);
- Tổng vốn dự án: 426.597.991.000 VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2025: Công ty đã nhận Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) về việc cho Công ty thuê đất để thực hiện dự án. Hiện tại, dự án đang triển khai song song công tác giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại và tiến hành xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị trên phần đất đã được bàn giao.

(3) Dự án Thủy điện Đăk Lô 3 theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 350/QĐ-UBND cấp lần đầu ngày 07/05/2021 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thay đổi lần thứ 1 ngày 24/01/2025:

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3;
- Tên Dự án: Công trình thủy điện Đăk Lô 3;
- Mục tiêu: Đầu tư quy mô công suất 22 MW, sản lượng điện trung bình hàng năm (Eo) 72,471 triệu Kwh;
- Địa chỉ dự án: xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (nay là xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi);
- Tổng vốn dự án: 787.645.274.000 VND;
- Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tại thời điểm 31/12/2025: Công ty đã nhận Quyết định số 749/QĐ-UBND ngày 19/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi) về việc cho Công ty thuê đất để thực hiện dự án. Hiện tại, dự án đang triển khai song song công tác giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại và tiến hành xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị trên phần đất đã được bàn giao.

12 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

(4) Dự án Thủy điện Đắk Lô 4 theo Quyết định chủ trương đầu tư số 1134/QĐ-UBND ngày 16/11/2020, điều chỉnh lần thứ nhất theo Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 18/11/2024:

- Tên Dự án: Công trình Thủy điện Đắk Lô 4;
- Địa điểm xây dựng: trên suối Nước Lò thuộc xã Ngọc Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (nay là xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi);
- Mục đích xây dựng: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Chủ đầu tư: Công trình TNHH Thủy điện Đắk Lô 4;
- Quy mô công suất thiết kế: 10MW;
- Tổng vốn đầu tư: 373.132.000.000 VND;
- Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2025: Dự án đang bị chậm triển khai theo các quyết định đầu tư do chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bàn giao đất tại thực địa. Hiện tại, Công ty đang trong quá trình điều chỉnh dự án đầu tư và hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đất theo hướng dẫn của các cơ quan chức năng. Trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục pháp lý, các nguồn vốn của Công ty đang được đầu tư ngắn hạn nhằm hiệu quả hóa việc sử dụng nguồn vốn.

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 03.

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Thuê tài chính trong năm	4.149.814.814	7.065.529.629	11.215.344.443
Số dư cuối năm	4.149.814.814	7.065.529.629	11.215.344.443
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	387.732.166	53.814.510	441.546.676
Số dư cuối năm	387.732.166	53.814.510	441.546.676
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối năm	3.762.082.648	7.011.715.119	10.773.797.767

15 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu năm	235.567.356.452	270.000.000	235.837.356.452
- Mua trong năm	-	155.000.000	155.000.000
Số dư cuối năm	235.567.356.452	425.000.000	235.992.356.452
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	46.623.815.382	8.381.721	46.632.197.103
- Khấu hao trong năm	3.846.038.922	69.333.331	3.915.372.253
Số dư cuối năm	50.469.854.304	77.715.052	50.547.569.356
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	188.943.541.070	261.618.279	189.205.159.349
Tại ngày cuối năm	185.097.502.148	347.284.948	185.444.787.096

15 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Trong đó, Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Nguyên giá 200.000.000.000 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng tại thửa đất số 24, 25 tờ bản đồ số 176 xã Vạn Xuân, tỉnh Thanh Hóa (được sử dụng để xây dựng nhà máy thủy điện) có thời gian sử dụng đất đến ngày 10/08/2075;
- Nguyên giá 20.102.996.170 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Thường Xuân và xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa (thuộc Nhà máy thủy điện Xuân Minh) sau khi bù trừ tiền thuê đất (Thuyết minh 16) theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014;
- Nguyên giá 1.715.446.673 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa (thuộc Nhà máy thủy điện Xuân Minh) theo Quyết định số 3293/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện Thường Xuân về việc phê duyệt dự toán bồi thường giải phóng mặt bằng dự án di dời các hộ sạt lở tại Vụng Láu, thôn Tiến Sơn 1, xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa;
- Nguyên giá 5.683.173.675 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại Thôn Điek Nót A và thôn Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Kon Tum sau khi bù trừ tiền thuê đất theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014;
- Nguyên giá 8.065.739.934 VND là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng còn lại tại xã Sơn Tây Hạ, tỉnh Quảng Ngãi sau khi bù trừ tiền thuê đất theo Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm khoản vay:
185.097.502.148 VND.

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.132.029.845	1.115.832.861
- Chi phí bảo hiểm	3.211.328.013	2.880.995.071
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy	1.314.973.194	4.024.454.864
- Chi phí bản quyền phần mềm	1.185.370.652	736.129.034
- Phí sử dụng đường bộ	406.389.770	160.677.435
- Các khoản khác	775.471.863	402.254.140
	9.025.563.337	9.320.343.405
Dài hạn		
- Chi phí cải tạo mặt bằng	2.446.561.140	4.257.570.409
- Chi phí thuê đất (*)	4.391.816.269	4.502.534.326
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	9.983.273.608	10.565.192.707
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	4.723.120.426	2.517.558.738
- Chi phí nạo vét lòng hồ	622.500.000	1.037.500.000
- Chi phí sửa chữa hạng mục nhà máy	4.991.979.209	2.664.163.153
- Các khoản khác	4.466.629.320	2.096.683.329
	31.625.879.972	27.641.202.662

(*) Mảnh đất Công ty thuê tại huyện Thường Xuân (nay là xã Thường Xuân), tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ cho công trình Thủy điện Xuân Minh với thời hạn thuê đến tháng 8 năm 2065. Diện tích khu đất thuê là 179.296,3 m². Số dư cuối năm là số chi phí giải phóng mặt bằng được cơ quan thuế chấp nhận bù trừ với tiền thuê đất hàng năm theo Công văn số 2825/CT-TTHT ngày 21/06/2019 của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa, và sau khi đã được phân bổ 113 tháng. Tổng thời gian phân bổ là 589 tháng, thời gian phân bổ còn lại là 476 tháng.

17 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh VND	Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La VND	Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
- Số dư đầu năm	31.748.857.532	179.419.450.350	89.113.335.943	300.281.643.825
Số dư cuối năm	31.748.857.532	179.419.450.350	89.113.335.943	300.281.643.825
Số phân bổ lũy kế				
- Số dư đầu năm	3.968.607.191	82.233.914.746	27.476.611.915	113.679.133.852
- Số phân bổ trong năm	3.174.885.753	17.941.945.035	8.911.333.594	30.028.164.382
Số dư cuối năm	7.143.492.944	100.175.859.781	36.387.945.509	143.707.298.234
Giá trị còn lại				
- Số dư đầu năm	27.780.250.341	97.185.535.604	61.636.724.028	186.602.509.973
Số dư cuối năm	24.605.364.588	79.243.590.569	52.725.390.434	156.574.345.591

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 04.

19 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác				
- Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 3	10.037.533.489	10.037.533.489	8.596.925.958	8.596.925.958
- Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	35.551.000.000	35.551.000.000	-	-
- Công ty TNHH Precision Technology Component Fulian	9.065.932.000	9.065.932.000	1.982.011.000	1.982.011.000
- Công ty TNHH Công nghệ Johnson Health Việt Nam	5.807.464.152	5.807.464.152	3.895.418.830	3.895.418.830
- Công ty TNHH Công nghệ Chính xác Fuyu	10.789.277.050	10.789.277.050	7.014.734.800	7.014.734.800
- Công ty Cổ phần Thuận An Hải Phòng	14.951.139.680	14.951.139.680	17.890.109.068	17.890.109.068
- Phải trả các đối tượng khác	85.946.200.394	85.946.200.394	68.873.214.409	68.873.214.409
	172.148.546.765	172.148.546.765	108.252.414.065	108.252.414.065

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết Phụ lục 05.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.584.282.376	15.794.745.607
- Chi phí vận hành nhà máy	-	506.260.908
- Chi phí đầu tư xây dựng nhà máy	-	390.000.000
- Chi phí lương, thưởng	9.888.013.000	4.554.330.372
- Chi phí phải trả khác	1.004.188.409	1.625.186.746
	21.476.483.785	22.870.523.633
Trong đó: Bên liên quan		
- Ông Phạm Tiến Luật	-	14.065.086
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	-	3.832.470
- Ông Nguyễn Thanh Phương	47.547.945	48.523.288
	47.547.945	66.420.844

22 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	439.013.682	378.230.553
- Bảo hiểm xã hội	3.766.500	6.804.000
- Bảo hiểm y tế	3.972.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.856.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	63.988.090.000	63.877.230.000
+ Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu (i)	63.700.000.000	63.700.000.000
+ Các đối tượng khác	288.090.000	177.230.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.502.035.356	5.831.699.781
+ Cổ tức phải trả	6.051.904.114	5.465.469.964
+ Phải trả ngắn hạn khác	450.131.242	366.229.817
	70.938.733.538	70.093.964.334
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	90.000.000
- Góp tiền hợp tác kinh doanh (ii)	-	74.271.512.590
+ Chosun Refractories Eng Co., Ltd	-	74.271.512.590
	-	74.361.512.590

(i) Khoản nhận đặt cọc theo hợp đồng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Năng lượng Dầu khí Toàn cầu về việc chia sẻ quyền sở hữu tài sản là đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220KV Sơn La nằm trên vị trí từ cột số 15 đến Trạm biến áp 220KV Sơn La, ngăn lộ tại Trạm biến áp 220kV. Tại ngày 31/12/2025, tài sản chưa được coi là đồng kiểm soát do đối tác chưa góp đủ vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

(ii) Trong năm 2025, Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty TNHH Chosun Refractories Eng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng lò đốt rác phát điện (gọi tắt là "BCC") với tổng giá trị chuyển nhượng là 30 tỷ VND. Sau khi bù trừ khoản phải trả tiền góp vốn BCC với lợi nhuận phân chia phải thu từ BCC (Thuyết minh 9) và giá trị chuyển nhượng, lãi từ hợp đồng chuyển nhượng này được xác định là 4.115.614.325 VND (Thuyết minh 27).

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Xem chi tiết Phụ lục 06.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	119.750.010.000	14,29	159.250.010.000	19,01
- Công ty Cổ phần DH Holdings	147.805.800.000	17,64	2.518.000.000	0,30
- Công ty TNHH MTV V-Trade	77.035.500.000	9,19	1.925.000.000	0,23
- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	59.284.690.000	7,07	59.284.690.000	7,07
- Ông Đỗ Tuấn Anh	11.473.200.000	1,37	72.807.800.000	8,69
- Ông Vũ Hà Nam	502.740.000	0,06	64.721.700.000	7,72
- Bà Phạm Thu Huyền	-	-	142.544.800.000	17,01
Các cổ đông khác	422.044.640.000	50,38	334.844.580.000	39,97
	837.896.580.000	100,00	837.896.580.000	100,00

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	837.896.580.000	837.896.580.000
- Vốn góp cuối năm	837.896.580.000	837.896.580.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	5.465.469.964	4.348.893.564
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	68.422.489.589	14.330.741.583
+ Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền	68.422.489.589	14.330.741.583
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(67.836.055.439)	(13.214.165.183)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(67.836.055.439)	(13.214.165.183)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	6.051.904.114	5.465.469.964

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	83.789.658	83.789.658
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.789.658	83.789.658
- Cổ phiếu phổ thông	83.789.658	83.789.658
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e. Các quỹ của công ty

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	629.107.071.262	499.895.424.557
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	4.258.537.955
	629.107.071.262	504.153.962.512

24 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a. Tài sản cho thuê ngoài

Công ty và Công ty con của Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	1.668.000.000	1.588.000.000

b. Tài sản thuê ngoài

Địa điểm	Mục đích thuê	Diện tích (m2)	Đơn giá thuê (VND/tháng)	Thời gian thuê
Tầng số 19, tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, Hà Nội	Sử dụng làm văn phòng làm việc	614,00	250.512.000	Từ 01/01/2024 đến 31/12/2028
Số 838, tờ bản đồ số 29, xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng Khu nhà ở cán bộ công nhân viên vận hành Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt	28.962,90	Miễn tiền thuê đất	Từ 23/10/2009 đến 23/10/2059
Khu đất tại xã Luận Thành, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình chính và phụ trợ Thủy điện Xuân Minh	124.042,20	4.320.803	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065
Khu đất tại xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa		55.254,10	2.357.508	Từ 01/07/2016 đến 04/08/2065
Khu đất tại thôn Điek Lò và Điek Tem, xã Kon Plông, tỉnh Quảng Ngãi	Xây dựng công trình thủy điện Đăk Lô 4	269.123,90	Miễn tiền thuê đất	Từ 13/01/2025 đến 13/01/2075

Ngoài ra, các công ty con của Công ty thuê đất và văn phòng làm việc theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2025, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	470.701.416	3.152.881.711

c. Ngoại tệ các loại

	Ký hiệu	31/12/2025	01/01/2025
- Đô la Mỹ	USD	80.100,61	2,58

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện	898.280.659.819	810.071.027.951
Doanh thu bán hàng hóa	1.012.139.823.620	639.863.084.598
Doanh thu cung cấp dịch vụ	368.345.414.059	276.846.106.290
Doanh thu hợp đồng xây lắp	7.992.442.668	44.739.144.437
Doanh thu khác	36.000.000	980.000.000
	2.286.794.340.166	1.772.499.363.276

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán điện	293.208.044.699	272.238.616.286
Giá vốn của hàng hóa đã bán	996.798.687.162	638.081.084.246
Giá vốn cung cấp dịch vụ	191.376.138.191	165.002.942.869
Giá vốn của hợp đồng xây lắp	8.777.604.612	40.536.101.372
Giá vốn khác	-	996.395.400
	1.490.160.474.664	1.116.855.140.173

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, lãi cố định theo hợp đồng hợp tác (*)	50.098.974.915	7.275.846.606
Lãi thanh lý hợp đồng BCC	4.115.614.325	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	74.555.408	41.158.182
	54.289.144.648	7.317.004.788
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	-	866.438.274

(*) Trong đó, lãi cố định theo hợp đồng hợp tác là khoản lợi nhuận hợp tác từ Công ty Cổ phần Đầu tư Châu Á Thống Nhất với số tiền 5.011.041.096 VND. Giá trị khoản hợp tác là 203.000.000.000 VND được hai bên hợp tác và thanh lý hợp đồng hợp tác trong năm.

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	183.053.969.616	177.721.813.475
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.035.961	57.372.332
Chi phí phát hành trái phiếu	-	456.310.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	18.304.253	565.681.042
	183.082.309.830	178.801.177.577
Trong đó: Chi phí tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	220.435.966	459.576.633

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân công	11.526.876.364	8.125.216.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.375.008	394.375.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	741.659.597	839.648.129
	12.662.910.969	9.359.239.346

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.558.611.978	4.434.708.997
Chi phí nhân công	34.185.797.534	29.426.072.491
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	657.182.652	389.055.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.035.165.604	2.919.733.116
Thuế, phí, và lệ phí	1.049.802.963	584.943.477
Lợi thế thương mại	30.028.164.382	30.028.164.382
Chi phí dự phòng	10.714.530.438	15.640.929.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.149.563.827	20.687.812.759
Chi phí khác bằng tiền	7.458.452.131	10.996.389.523
	107.837.271.509	115.107.809.533

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ bán Chứng chỉ thuộc tính năng lượng (EACs)	-	2.140.919.694
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	12.032.731	-
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	170.545.455	4.545.455
Thu nhập khác	287.097.474	685.133.006
	469.675.660	2.830.598.155

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ thanh lý tài sản cố định	192.034.868	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	465.003.626	-
Các khoản bị phạt (*)	5.059.063.018	411.404.001
Chi phí khác	616.979.934	1.148.305.708
	6.333.081.446	1.559.709.709

(*) Bao gồm khoản phạt chậm nộp thuế và kê khai sai với tổng số tiền 4.223.556.458 VND theo Quyết định số 2838/QĐ-CCTKV02 của Chi cục thuế khu vực II ngày 20/06/2025.

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	36.539.320.058	17.783.224.588
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	23.835.108.636	8.922.440.319
- Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	638.196.253	354.432.387
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	4.204.909.162	2.661.733.578
- Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Sài Gòn	14.354.537.963	2.656.285.474
- Công ty TNHH Thủy điện Đắk Lô 4	30.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	1.278.604.377	1.006.089.601
- Công ty TNHH MTV Nhà máy Thủy điện Thác Ba	2.445.843.224	1.929.039.361
- Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	583.817.657	191.514.898
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Robaye	299.200.000	123.345.020
Tổng Chi phí thuế TNDN hiện hành	60.374.428.694	26.705.664.907

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	441.460.952.457	306.521.404.337
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	441.460.952.457	306.521.404.337
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	83.789.658	83.789.658
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.269	3.658

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.181.510.042	22.525.563.735
Chi phí nhân công	151.202.885.940	149.004.813.626
Chi phí khấu hao TSCĐ	279.512.414.528	283.994.997.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.752.238.476	114.311.742.459
Chi phí khác bằng tiền	39.494.525.460	36.278.371.131
	616.143.574.446	606.115.488.448

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025			
Tiền và các khoản tương đương tiền	836.520.391.835	-	836.520.391.835
Phải thu khách hàng, phải thu khác	378.972.802.543	804.246.109.369	1.183.218.911.912
Các khoản cho vay	613.653.579.901	135.000.000.000	748.653.579.901
	1.829.146.774.279	939.246.109.369	2.768.392.883.648

Tại ngày 01/01/2025

Tiền và các khoản tương đương tiền	480.509.924.012	-	480.509.924.012
Phải thu khách hàng, phải thu khác	413.932.577.522	545.199.534.400	959.132.111.922
Các khoản cho vay	70.276.178.395	-	70.276.178.395
	964.718.679.929	545.199.534.400	1.509.918.214.329

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2025			
Vay và nợ	656.318.097.213	2.830.634.969.358	3.486.953.066.571
Phải trả người bán, phải trả khác	243.087.280.303	-	243.087.280.303
Chi phí phải trả	21.476.483.785	-	21.476.483.785
	920.881.861.301	2.830.634.969.358	3.751.516.830.659
Tại ngày 01/01/2025			
Vay và nợ	492.733.779.072	1.911.822.055.432	2.404.555.834.504
Phải trả người bán, phải trả khác	178.346.378.399	74.361.512.590	252.707.890.989
Chi phí phải trả	22.870.523.633	-	22.870.523.633
	693.950.681.104	1.986.183.568.022	2.680.134.249.126

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.822.757.270.107	680.643.482.542
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	500.000.000.000	-
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	993.956.378.115	656.899.259.035
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	131.800.000.000
Mua công ty con trong năm báo cáo		
Tổng giá trị mua công ty con trong năm	496.350.000.000	-
Phần giá trị mua công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	496.350.000.000	-
Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được mua	171.529.325	-
Phần giá trị tài sản (tổng hợp theo từng loại tài sản) không phải là tiền và các khoản tương đương tiền và nợ phải trả trong công ty con được mua trong năm	496.178.470.675	-

38 . THÔNG TIN KHÁC

Ngày 17/12/2025, Công ty đã công bố thông tin về kế hoạch nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Linh Linh (Linh Linh) theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025 của Hội đồng quản trị. Theo đó, Công ty có thể nhận chuyển nhượng từ các cổ đông hiện hữu của Linh Linh để sở hữu đến 51% vốn điều lệ, qua đó trở thành Công ty mẹ của Công ty này. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện giao dịch này tính đến ngày 31/12/2025. Ngoài ra, Công ty đã chào bán và phát hành riêng lẻ trái phiếu doanh nghiệp với tổng mệnh giá là 500.000.000.000 VND để mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành (Thuyết minh 18). Công ty đã đàm phán mức giá dự kiến mua 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Linh Linh với bà Lương Thị Lợi là 545.700.000.000 VND và đang thực hiện các thủ tục nhận chuyển nhượng, đồng thời đã đặt cọc 10.000.000.000 VND để đảm bảo ký kết hợp đồng mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Linh Linh (Thuyết minh 9).

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh:

Xem chi tiết Phụ lục 07.

Theo khu vực địa lý:

Xem chi tiết Phụ lục 07.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Công nghệ CRE Việt Nam	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần DH Holdings	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông lớn
Ông Đỗ Tuấn Anh	Cổ đông lớn (Không còn là cổ đông lớn từ ngày 12/06/2025)
Ông Lê Quốc Hương	Cổ đông lớn của Công ty con
Bà Phạm Thu Huyền	Cổ đông lớn (Không còn là cổ đông lớn từ ngày 06/06/2025)

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Vũ Hà Nam	Cổ đông lớn (Không còn là cổ đông lớn từ ngày 09/07/2025)
Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Minh	Ủy viên HĐQT/Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên HĐQT
Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên HĐQT
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thị Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Đinh Thùy Lâm	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2025)
Bà Bùi Hải Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Khúc Ngọc Hưng	Phó Giám đốc Ban Kinh tế đầu tư
Ông Nguyễn Viết Hoàng	Phó Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc Công ty con
Ông Nguyễn Thanh Phương	Ủy viên HĐQT Công ty con và Tổng Giám đốc Công ty con

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính	-	866.438.274
- Ông Lê Quốc Hương	-	866.438.274
Chi phí tài chính	220.435.966	459.576.633
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	19.828.149	50.373.911
- Ông Nguyễn Thanh Phương	179.504.110	137.134.248
- Ông Nguyễn Viết Hoàng	-	85.446.575
- Ông Phạm Tiến Luật	21.103.707	186.621.899
Thu nhập của người quản lý chủ chốt	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Ông Vũ Ngọc Tú	120.000.000	120.000.000
- Ông Phạm Văn Minh	1.608.960.000	1.557.560.000
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	838.855.714	361.600.000
- Bà Nguyễn Thị Hà Ninh	48.000.000	48.000.000
- Ông Nguyễn Việt Tiến	48.000.000	48.000.000
- Bà Nguyễn Minh Hiếu	108.000.000	-
- Bà Đinh Thị Hạnh	42.000.000	168.000.000
- Bà Đinh Thùy Lâm	643.528.636	-
- Ông Nguyễn Hồ Ngọc	24.000.000	149.000.000
- Bà Bùi Hải Yến	24.000.000	24.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Vương Hoàng Bảo Long
Người lập biểu


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng


Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026



Phụ lục 01 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại 31/12/2025, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất 4,2%/năm.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2025			01/01/2025		
	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu VND
- Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	49,77	50,00	-	49,77	50,00	1.011.968.308
			-			1.011.968.308

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết %
- Công ty Cổ phần Viwaseen 6	732.000.000	(174.334.706)	4,00	732.000.000	(174.334.706)	4,00
	732.000.000	(174.334.706)		732.000.000	(174.334.706)	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về công ty nhận đầu tư của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Viwaseen 6	Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
Công ty TNHH Công nghệ Cre Việt Nam	Bắc Ninh	Lĩnh vực xử lý môi trường

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY

		01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
		Giá trị	Dự phòng	Tăng	Giảm	Giá trị	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn							
Bên khác							
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà	(1)	19.676.045.757	(13.773.232.031)	-	-	19.676.045.757	(19.676.045.757)
- Ông Vũ Tuấn Cường		-	-	177.000.000.000	177.000.000.000	-	-
- Cho cá nhân vay	(2)	50.000.000.000	-	-	-	50.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại - HHK	(3)	3.632.049.600	-	-	-	3.632.049.600	-
Cho vay dài hạn đến hạn phải thu		-	-	549.100.000.000	-	549.100.000.000	-
Bên khác							
- Ông Vũ Tuấn Cường	(4)	-	-	549.100.000.000	-	549.100.000.000	-
		73.308.095.357	(13.773.232.031)	726.100.000.000	177.000.000.000	622.408.095.357	(19.676.045.757)
Dài hạn							
Bên khác							
- Ông Vũ Tuấn Cường	(4)	-	-	795.700.000.000	111.600.000.000	684.100.000.000	-
		-	-	795.700.000.000	111.600.000.000	684.100.000.000	-
Khoản đến hạn phải thu trong vòng 12 tháng		-	-	(549.100.000.000)	-	(549.100.000.000)	-
		-	-			135.000.000.000	
Khoản đến hạn phải thu sau 12 tháng		-	-				

Phụ lục 02 : PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay như sau:

STT	Hợp đồng cho vay	Mục đích cho vay	Lãi suất cho vay	Thời hạn cho vay	Hình thức bảo đảm	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn							
(1)	Hợp đồng số 01-2020/TĐNL-XLSĐ ngày 20/01/2020 và các Phụ lục	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	8.021.063.694	8.021.063.694
	Hợp đồng số 02-2021/TĐNL-XLSĐ ngày 31/12/2021 và các Phụ lục	Bổ sung vốn lưu động	9,6%/năm	12 tháng	Tín chấp	11.654.982.063	11.654.982.063
(2)	Các hợp đồng cho vay	Phục vụ mục đích cá nhân	11,0%/năm	12 tháng	Đảm bảo bằng tài sản (i)	50.000.000.000	50.000.000.000
(3)	01/2024/HĐV/NSX-HHK và 02/2024/HĐV/NSX-HHK	Nộp tiền giải phóng mặt bằng Dự án xử lý chất thải rắn huyện Hiệp Hòa (nay là xã Đông Lỗ), tỉnh Bắc Ninh	Quy định tại khế ước nhận nợ	Thời gian quy định theo hợp đồng	Tín chấp	3.632.049.600	3.632.049.600
Dài hạn							
(4)	Các hợp đồng cho vay cá nhân ông Vũ Tuấn Cường	Phục vụ các hoạt động không trái với quy định của pháp luật	Từ 7,5%/năm đến 9,1%/năm	Từ 12 tháng 1 ngày đến 24 tháng	Đảm bảo bằng tài sản (ii)	684.100.000.000	-
						757.408.095.357	73.308.095.357

(i) Tài sản được bảo đảm là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (Mã chứng khoán: VCP).

(ii) Tài sản đảm bảo là cổ phần của bên thứ ba tại các Công ty khác.

Phụ lục 03 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.217.932.827.457	1.869.700.427.508	447.472.632.967	2.954.917.779	96.797.119.355	4.634.857.925.066
- Mua trong năm	-	2.456.226.843	58.161.460.254	33.445.454	460.382.000	61.111.514.551
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	1.501.728.455	-	-	1.501.728.455
- Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	(1.632.083.071)	-	-	(2.132.083.071)
Số dư cuối năm	2.217.932.827.457	1.871.656.654.351	505.503.738.605	2.988.363.233	97.257.501.355	4.695.339.085.001
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	767.949.295.792	987.196.115.553	233.306.071.251	2.797.837.338	43.174.319.680	2.034.423.639.614
- Khấu hao trong năm	101.763.808.695	105.730.795.395	32.782.187.176	80.782.007	4.769.757.944	245.127.331.217
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	263.534.059	-	-	263.534.059
- Thanh lý, nhượng bán	-	(500.000.000)	(954.613.867)	-	-	(1.454.613.867)
Số dư cuối năm	869.713.104.487	1.092.426.910.948	265.397.178.619	2.878.619.345	47.944.077.624	2.278.359.891.023
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.449.983.531.665	882.504.311.955	214.166.561.716	157.080.441	53.622.799.675	2.600.434.285.452
Tại ngày cuối năm	1.348.219.722.970	779.229.743.403	240.106.559.986	109.743.888	49.313.423.731	2.416.979.193.978

Trong đó, tài sản đồng kiểm soát theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (Thuyết minh 22) là đường dây 110kV từ Nhà máy Thủy điện Nậm La đến Trạm biến áp 220kV Sơn La có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 31/12/2025 lần lượt là 39.157.269.554 VND và 36.905.418.450 VND. Tại 31/12/2025, tài sản chưa được coi là đồng kiểm soát do đối tác chưa góp đủ vốn theo thoả thuận trong hợp đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.486.893.833.396 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 558.753.432.420 VND.

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		01/01/2025	Trong năm		31/12/2025	
		Giá trị	Tăng (+)/giảm (-) do hợp nhất kinh doanh	Tăng	Giảm	Giá trị
		VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn		236.273.137.768	(20.200.000.000)	733.221.446.314	590.679.207.810	358.615.376.272
- Vay cá nhân	(1)	40.249.260.775	-	7.945.564.200	33.254.450.289	14.940.374.686
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		-	(20.200.000.000)	50.000.000.000	29.800.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	(2)	131.425.381.849		480.155.524.081	376.148.817.053	235.432.088.877
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Thành	(3)	34.757.030.712		108.785.460.880	92.582.225.042	50.960.266.550
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	(4)	29.841.464.432	-	86.334.897.153	58.893.715.426	57.282.646.159
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả		256.460.641.304	-	256.649.249.942	215.407.170.305	297.702.720.941
- Vay cá nhân	(5)	77.121.355.988	-	14.203.050.062	32.267.884.989	59.056.521.061
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(6)	34.385.285.316	-	34.385.285.316	34.385.285.316	34.385.285.316
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		4.250.000.000	-	3.100.000.000	4.250.000.000	3.100.000.000
+ Chi nhánh Hà Thành	(7)	-	-	800.000.000	-	800.000.000
+ Chi nhánh Sóc Sơn	(8)	4.250.000.000	-	2.300.000.000	4.250.000.000	2.300.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La		3.664.000.000	-	-	3.664.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		77.000.000.000	-	125.800.000.000	80.800.000.000	122.000.000.000
+ Chi nhánh Lạng Sơn	(10)	27.000.000.000	-	33.800.000.000	30.800.000.000	30.000.000.000
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	(11)	50.000.000.000	-	92.000.000.000	50.000.000.000	92.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Điện Biên Phủ	(12)	-	-	28.948.914.564	-	28.948.914.564
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	(13)	60.040.000.000	-	50.212.000.000	60.040.000.000	50.212.000.000
		492.733.779.072	(20.200.000.000)	989.870.696.256	806.086.378.115	656.318.097.213

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

		01/01/2025		Trong năm		31/12/2025
			Tăng (+)/giảm (-) do hợp nhất kinh doanh			
		Giá trị VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND
Vay dài hạn						
Vay dài hạn		2.168.282.696.736	(231.343.875.116)	1.101.927.007.882	412.027.170.305	2.626.838.659.197
- Vay cá nhân	(5)	77.121.355.988	-	14.203.050.062	32.267.884.989	59.056.521.061
- Ông Vũ Tuấn Cường		173.800.000.000	-	-	173.800.000.000	-
- Công ty TNHH Thủy điện Đak Lô 1-3		-	(372.900.000.000)	372.900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	(6)	194.958.564.243	-	-	34.385.285.316	160.573.278.927
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		227.756.293.737	141.556.124.884	14.823.957.820	10.450.000.000	373.686.376.441
+ Chi nhánh Hà Thành	(7)	-	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
+ Chi nhánh Sóc Sơn	(8)	227.756.293.737	-	-	10.450.000.000	217.306.293.737
+ Chi nhánh Bắc Hà Nội	(9)	-	141.556.124.884	10.823.957.820	-	152.380.082.704
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn La		3.664.000.000	-	-	3.664.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		410.558.568.204	-	300.000.000.000	80.800.000.000	629.758.568.204
+ Chi nhánh Lạng Sơn	(10)	184.000.000.000	-	-	30.800.000.000	153.200.000.000
+ Chi nhánh Hoàn Kiếm	(11)	226.558.568.204	-	300.000.000.000	50.000.000.000	476.558.568.204
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	(12)	670.823.914.564	-	400.000.000.000	6.500.000.000	1.064.323.914.564
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	(13)	409.600.000.000	-	-	70.160.000.000	339.440.000.000
Trái phiếu thường	(14)	-	-	491.250.000.000	-	491.250.000.000
- Mệnh giá trái phiếu		-	-	500.000.000.000	-	500.000.000.000
- Chi phí phát hành trái phiếu		-	-	(8.750.000.000)	-	(8.750.000.000)
Nợ thuê tài chính dài hạn		-	-	11.913.200.000	1.664.168.898	10.249.031.102
- Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	(15)	-	-	7.430.000.000	-	7.430.000.000
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	(16)	-	-	4.483.200.000	1.664.168.898	2.819.031.102
		2.168.282.696.736	(231.343.875.116)	1.605.090.207.882	413.691.339.203	3.128.337.690.299
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng		(256.460.641.304)	-	(256.649.249.942)	(215.407.170.305)	(297.702.720.941)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		1.911.822.055.432				2.830.634.969.358

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngắn hạn					
(1)	Vay cá nhân	3 tháng	7,3%-8,9%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(2)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Bảo đảm bằng tài sản
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân, không quá 06 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm đầu tư TSCĐ	Bảo đảm bằng tài sản
(4)	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng	12 tháng	Theo từng lần nhận nợ	Bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền điện, tiền nước, chi phí lương phục vụ hoạt động kinh doanh tái chế, xử lý rác thải và phát điện	Tín chấp
Dài hạn					
(5)	Vay cá nhân	12 tháng + 1 ngày	Từ 7,3%/năm đến 11,3%/năm	Bổ sung vốn, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Tín chấp
(6)	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long	150 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Xuân Minh (không bao gồm thuế GTGT Dự án); Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Bái Thượng	Tài sản thuộc dự án Thủy điện Xuân Minh; Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy Thủy điện Bái Thượng
(7)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Thanh toán chi phí đầu tư xây dựng Hệ thống điện mặt trời mái nhà	Hệ thống điện mặt trời mái nhà lắp đặt trên mái nhà xưởng của Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh
(8)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Sơn	180 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Tài trợ chi phí đầu tư xây dựng Dự án Thủy điện Đak Robaye (không bao gồm thuế GTGT Dự án)	Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/ Quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ Dự án Thủy điện Đak Robaye; Tài sản đảm bảo của bên thứ ba

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Dài hạn					
(9)	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	192 tháng	Trong vòng 2 năm đầu: 6,3%/năm. Lãi suất năm tiếp theo thông báo ngân hàng	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lệ liên quan đến đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Đăk Lô 1	Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/ Quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ Dự án Thủy điện Đăk Lô 1; Tài sản đảm bảo của bên thứ ba
			Trong vòng 30 tháng đầu: 6,7%/năm. Lãi suất năm tiếp theo thông báo ngân hàng	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lệ liên quan đến đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Đăk Lô 3	Quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản/ Quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành trong tương lai từ Dự án Thủy điện Đăk Lô 3; Tài sản đảm bảo của bên thứ ba
(10)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn	84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Bù đắp các chi phí đã tham gia vào dự án thủy điện Đăk Glun	Tài sản hình thành từ vốn vay: Nhà máy Thủy điện Đăk Glun
(11)	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	08 năm	Theo từng khế ước nhận nợ	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh do Công ty làm chủ đầu tư	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã và sẽ hình thành của Dự án, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba
		84 tháng	Theo từng khế ước nhận nợ	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp của Dự án Đầu tư xây dựng Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt phát điện tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh do công ty làm chủ đầu tư	Toàn bộ tài sản gắn liền với đất đã và sẽ hình thành của Dự án, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay (tiếp theo):

STT	Đối tượng	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Dài hạn					
(12)	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ	Theo từng lần giải ngân và nhận nợ	Theo từng lần nhận nợ	Tài trợ nhận chuyển nhượng 99,55% phần vốn góp tại Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh; Đầu tư mua 99,27% vốn góp của Công ty TNHH Thủy điện Đak lô 1-3	Đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Nhà máy thủy điện Cửa Đạt bao gồm Tài sản gắn liền với đất và Máy móc thiết bị của Nhà máy
(13)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Long Biên	84 tháng	7,8%/năm	Tài trợ các chi phí liên quan đến đầu tư Dự án thủy điện Nậm La và Dự án thủy điện Tắt Ngoẳng	Tài sản hình thành vốn vay, quyền tài sản liên quan tới Dự án thủy điện Nậm La và Dự án Thủy điện Tắt Ngoẳng; và tài sản của bên thứ ba

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến trái phiếu thường:

STT	Loại trái phiếu	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích phát hành	Hình thức đảm bảo	Tổng giá trị đã phát hành	Chi phí phát hành trái phiếu
(14)	Trái phiếu thường dài hạn					VND	VND
	Loại phát hành theo mệnh giá	36 tháng (từ 25/12/2025 đến 25/12/2028)	2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%/năm, các kỳ sau là 10,2%/năm	Mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành	Đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba là 39.223.482 cổ phần VCP, thuộc sở hữu của bên bảo đảm	500.000.000.000	8.750.000.000

Phụ lục 04: VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:

STT	Hợp đồng cho thuê tài chính	Thời hạn thuê	Lãi suất	Tài sản thuê	Tổng giá trị nợ gốc VND	Số dư tại ngày 31/12/2025 VND
(15) Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam						
(15.1)	Số 2025-00034-000 ngày 20/02/2025	37 tháng	7,83%/năm	4 Xe nâng diesel, hãng HELI, Model: CPC30-WS1H	1.660.000.000	959.111.110
(15.2)	Số 2025-00043-000 ngày 20/03/2025	37 tháng	7,83%/năm	Hệ thống máy ép giấy phế liệu bằng thủy lực	1.578.200.000	946.919.992
(15.3)	Số 2025-00279-000 ngày 22/08/2025	49 tháng	7,80%/năm	3 Xe nâng diesel, hãng HELI, Model: CPC30-WS1H	1.245.000.000	913.000.000
(16) Công ty cho Thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội						
(16.1)	Số B25127711 ngày 08/12/2025	48 tháng	6,59%/năm	11 ô tô có mui, hiệu CHENGLONG, Model: LZ1125L3ACT/TTCM-KM4	7.430.000.000	7.430.000.000
					11.913.200.000	10.249.031.102

Các khoản vay đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2025		01/01/2025	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
Vay					
- Ông Phạm Tiến Luật	Phó Tổng Giám đốc Công ty con	-	-	2.218.563.691	14.065.086
- Ông Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	-	-	604.516.733	3.832.470
- Ông Nguyễn Thanh Phương	Ủy viên HĐQT Công ty con	2.000.000.000	47.547.945	2.000.000.000	48.523.288
		2.000.000.000	47.547.945	4.823.080.424	66.420.844

Phụ lục 05 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025		Trong năm			31/12/2025	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Tăng do hợp nhất kinh doanh VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	5.962.202.684	-	74.166.628.675	73.856.581.642	-	6.272.249.717
- Thuế Xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	83.204.628.486	83.204.628.486	-	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	7.689.453.142	-	60.374.428.694	20.287.581.485	-	47.776.300.351
- Thuế Thu nhập cá nhân	345.171.162	1.372.293.616	12.346.285	1.062.132.816	6.218.488.301	-	1.212.008.085
- Thuế Tài nguyên (*)	-	5.885.312.688	72.977.160	107.887.265.406	103.250.280.769	-	10.595.274.485
- Các loại thuế khác	-	301.511.843	-	3.784.497.817	3.712.724.808	-	373.284.852
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.960.221.643	-	43.899.863.472	42.689.261.628	-	10.170.823.487
	345.171.162	30.170.995.616	85.323.445	152.217.966.370	333.219.547.119	-	76.399.940.977

(*) Thuế tài nguyên được tính căn cứ trên sản lượng điện, đơn giá tính thuế và thuế suất Thuế tài nguyên theo quy định hiện hành.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	837.896.580.000	5.940.175.148	406.967.473.649	4.258.537.955	204.854.646.970	276.101.235.200	1.736.018.648.922
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	306.521.404.337	27.053.774.813	333.575.179.150
Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	6.906.692.456	-	(8.007.013.749)	(18.328.545.876)	(19.428.867.169)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ	-	-	86.021.258.452	-	(88.119.651.452)	-	(2.098.393.000)
Số dư cuối năm trước	837.896.580.000	5.940.175.148	499.895.424.557	4.258.537.955	415.249.386.106	284.826.464.137	2.048.066.567.903
Số dư đầu năm nay	837.896.580.000	5.940.175.148	499.895.424.557	4.258.537.955	415.249.386.106	284.826.464.137	2.048.066.567.903
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	3.650.088.485	3.650.088.485
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	441.460.952.457	39.641.730.905	481.102.683.362
Ảnh hưởng do Công ty liên kết điều chỉnh lợi nhuận đầu kỳ	-	-	-	-	(1.011.968.308)	-	(1.011.968.308)
Phân phối lợi nhuận tại (*) các Công ty con	-	-	11.661.505.257	-	(14.612.113.765)	(20.151.388.061)	(23.101.996.569)
Phân phối lợi nhuận tại (**) Công ty mẹ	-	-	113.291.603.493	-	(167.245.398.293)	-	(53.953.794.800)
Chuyển Quỹ khác sang Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty con	-	-	4.258.537.955	(4.258.537.955)	-	-	-
Số dư cuối năm nay	837.896.580.000	5.940.175.148	629.107.071.262	-	673.840.858.197	307.966.895.466	2.454.751.580.073

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Phụ lục 06 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Trong năm 2025, các Công ty con của Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận sau thuế như sau:

	Phân phối lợi nhuận tại Công ty con VND	Lợi ích Công ty mẹ tại Công ty con VND	Lợi ích Cổ đông không kiểm soát tại Công ty con VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	7.400.683.353	3.774.348.510	3.626.334.843
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	17.799.970.782	9.077.985.099	8.721.985.683
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm La	43.398.212.379	35.918.399.592	7.479.812.787
Công ty Cổ phần Cơ điện VCP	272.623.682	271.260.564	1.363.118
Khử khi hợp nhất		(34.429.880.000)	321.891.630
	68.871.490.196	14.612.113.765	20.151.388.061

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số phân phối theo Nghị quyết VND	Số thực tế phân phối VND	Chênh lệch VND
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.344.000.000	3.344.000.000	-
Trích Quỹ đầu tư phát triển	113.291.603.493	113.291.603.493	-
Phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	336.000.000	336.000.000	-
Chi trả cổ tức	50.273.794.800	50.273.794.800	-
	167.245.398.293	167.245.398.293	-

Phụ lục 07 : BÁO CÁO BỘ PHẬN

a. Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh điện VND	Hoạt động kinh doanh hàng hoá VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phận VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	898.280.659.819	1.012.139.823.620	383.499.887.330	9.275.581.846	2.303.195.952.615	(16.401.612.449)	2.286.794.340.166
Giá vốn hàng bán	293.208.044.699	996.798.687.162	209.617.509.680	8.777.604.612	1.508.401.846.153	(18.241.371.489)	1.490.160.474.664
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	605.072.615.120	15.341.136.458	173.882.377.650	497.977.234	794.794.106.462	1.839.759.040	796.633.865.502
Tổng chi phí mua tài sản cố định	128.743.010.524	-	102.124.802.425	-	230.867.812.949	-	230.867.812.949
Tài sản bộ phận	8.142.910.718.084	-	1.858.714.434.513	63.196.369.342	10.064.821.521.939	(3.906.357.333.164)	6.158.464.188.775
Tài sản không phân bổ					156.574.345.591		156.574.345.591
Tổng tài sản	8.142.910.718.084	-	1.858.714.434.513	63.196.369.342	10.221.395.867.530	(3.906.357.333.164)	6.315.038.534.366
Nợ phải trả của các bộ phận	4.069.192.029.343	-	936.364.770.117	2.885.066.578	5.008.441.866.038	(1.159.091.764.194)	3.849.350.101.844
Nợ phải trả không phân bổ					10.936.852.449		10.936.852.449
Tổng nợ phải trả	4.069.192.029.343	-	936.364.770.117	2.885.066.578	5.019.378.718.487	(1.159.091.764.194)	3.860.286.954.293

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Phụ lục 07 : BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**b. Theo khu vực địa lý**

	<u>Thanh Hóa</u> VND	<u>Bắc Ninh</u> VND	<u>Sơn La</u> VND	<u>Bình Phước</u> (nay là Đồng Nai) VND	<u>Kon Tum</u> (nay là Quảng Ngãi) VND	<u>Tổng cộng toàn</u> <u>doanh nghiệp</u> VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	553.143.225.304	1.429.807.079.352	170.613.498.513	76.246.541.181	56.983.995.816	2.286.794.340.166
Tài sản bộ phận	1.297.203.567.128	2.339.063.981.312	724.791.462.987	408.353.363.492	1.545.626.159.447	6.315.038.534.366
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	102.124.802.425	-	33.445.454	128.709.565.070	230.867.812.949





CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 04/2026/TTr-HĐQT

Hà nội, ngày 11 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Đề xuất thù lao Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát Công ty năm 2026

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;
- Căn cứ quyết định số 04/2024/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và đánh giá xếp loại lao động của công ty;
- Căn cứ kế hoạch SXKD năm tài chính 2025 đã được thông qua của Công ty cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP:

1. Báo cáo thực hiện chi thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2025, chi tiết như sau:

Đơn vị: Đồng

Stt	Đối tượng	Kế hoạch	Đã chi
1	Hội đồng quản trị	252.000.000	252.000.000
2	Ban Kiểm soát	84.000.000	84.000.000
	Cộng	336.000.000	336.000.000

2. Đề xuất mức thù lao đối với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2026:

Stt	Nội dung	Số tiền/tháng	Năm 2025
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	5.000.000	60.000.000
2	Phó Chủ tịch HĐQT	4.000.000	48.000.000
3	Thành viên HĐQT (3 TV)	4.000.000	144.000.000
4	Trưởng Ban kiểm soát	3.000.000	36.000.000
5	Thành viên BKS (2 TV)	2.000.000	48.000.000
	Cộng		336.000.000

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

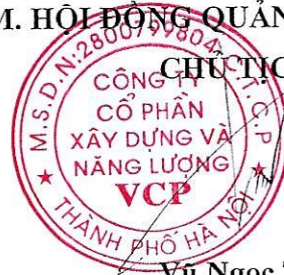
Xin trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như kính gửi;

- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY



Vũ Ngọc Tú



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

Số: 05/2026/TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Đề nghị thông qua Báo cáo kiểm toán về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP.
- Căn cứ Hợp đồng kiểm toán về việc kiểm toán về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP giữa Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC với Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua Báo cáo kiểm toán về tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đến ngày 31/12/2025 của Công ty CP Xây dựng và Năng lượng VCP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP, HĐQT



Vũ Ngọc Tú

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
ĐỐI VỚI TRÁI PHIẾU CÒN DỰ NỢ**

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Kỳ báo cáo năm 2025

(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo của Kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025	5 - 6
Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025	7 - 8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được") của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch
Ông	Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch thường trực
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Ủy viên
Bà	Nguyễn Thị Hà Ninh	Ủy viên
Ông	Nguyễn Việt Tiến	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Phạm Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông	Trịnh Nguyên Khánh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát gồm:

Bà	Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban
Bà	Đinh Thùy Lâm	Thành viên
Bà	Bùi Hải Yến	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu của các văn bản pháp luật mô tả chi tiết tại Thuyết minh 4 trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được.

Trong quá trình lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ Lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được theo cơ sở lập báo cáo được mô tả tại phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được lập và trình bày phù hợp với cơ sở lập báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được trình bày tại phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty,



Phạm Văn Minh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025 (sau đây gọi tắt là "Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được") kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP ("Công ty") được lập ngày 24/03/2026, từ trang 05 đến trang 08, bao gồm: Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được và các thuyết minh liên quan.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được của Công ty theo cơ sở lập báo cáo được trình bày tại phần Thuyết minh báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP, phù hợp với cơ sở lập báo cáo được trình bày tại phần Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Mục 3 của Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025, trong đó mô tả trong thời gian chờ giải ngân, số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu tạm thời nhận rồi là 500.000.000.000 VND được Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 4,75%/năm, phù hợp với mục đích phát hành và kế hoạch sử dụng vốn nêu tại Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 17 tháng 12 năm 2025.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được của Công ty được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước và tuân thủ các quy định nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định mô tả chi tiết tại Thuyết minh 4 trong Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được kèm theo. Do đó, báo cáo kiểm toán này không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Công ty TNHH

Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Anh Ngọc

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1437-2023-002-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Hoàng Đức Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4876-2024-002-1

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**
kỳ báo cáo năm 2025

1. Thông tin doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP
Giấy CNĐKDN:	2800799804
Ngày cấp:	Lần đầu ngày 18/05/2004 và thay đổi lần 17 ngày 23/12/2025
Nơi cấp:	Sở Tài chính thành phố Hà Nội
Địa chỉ:	Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại:	0246.2699988
Địa chỉ thư điện tử:	vcpholdings2020@gmail.com
Loại hình doanh nghiệp:	Công ty cổ phần
Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...
Mã số thuế:	2800799804

2. Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT ngày 17/12/2025 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt phương án chào bán và phát hành trái phiếu riêng lẻ ("Nghị quyết"), chi tiết như sau:

- Tổng giá trị huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá) và giá trị phát hành theo từng mã trái phiếu cho kỳ báo cáo năm 2025 như sau:

Đơn vị: VND

Stt	Mã trái phiếu	Giá trị phát hành dự kiến	Giá trị phát hành thực tế
1	VCP12501	500.000.000.000	500.000.000.000

- Mục đích sử dụng số tiền thu được:

► Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.

Cụ thể, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu để:

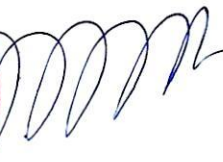
Mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành nhằm sở hữu lên đến 51% vốn điều lệ (tương đương với 816.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Linh Linh) từ (các) cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Linh Linh.

3. Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ

(Kỳ báo cáo năm 2025, Công ty thực hiện nghĩa vụ báo cáo khi còn dư nợ trái phiếu trong 6 tháng cuối năm)

Stt	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31/12/2025
			Số tiền (VND)	Số tiền (VND)	Số tiền (VND)
I	Đối với các trái phiếu đã phát hành trước ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
	Không có				
II	Đối với các trái phiếu phát hành từ ngày Nghị định số 65/2022/NĐ-CP có hiệu lực và còn dư nợ				
1	Dự án mua cổ phần phổ thông do Công ty Cổ phần Linh Linh phát hành	VCP12501	-	-	-
Tổng cộng (I+II)			-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu do chưa hoàn tất các thủ tục liên quan đến việc mua cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Linh Linh. Trong thời gian chờ giải ngân, số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu tạm thời nhàn rỗi là 500.000.000.000 VND được Công ty gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 4,75%/năm, phù hợp với mục đích phát hành và kế hoạch sử dụng vốn nêu tại Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 17 tháng 12 năm 2025.



Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC
TỪ VIỆC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

kỳ báo cáo năm 2025

1. Thông tin chung

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP (tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2800799804 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 05 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 23 tháng 12 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 837.896.580.000 VND.

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện;...

2. Thông tin về trái phiếu phát hành

- | | |
|--|---|
| 1. Tên tổ chức phát hành: | Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP |
| 2. Mã trái phiếu: | VCP12501 |
| 3. Loại hình trái phiếu: | Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và có bảo đảm bằng tài sản |
| 4. Hình thức phát hành: | Phát hành riêng lẻ dưới hình thức bút toán ghi sổ |
| 5. Mệnh giá: | 100.000.000 VND/trái phiếu |
| 6. Khối lượng phát hành (Theo mệnh giá): | 500.000.000.000 VND |
| 7. Kỳ hạn trái phiếu: | 36 tháng kể từ ngày phát hành |
| 8. Ngày phát hành: | 25/12/2025 |

Kết quả

- | | |
|--|---------------------|
| 9. Tổng số lượng trái phiếu đã phát hành: | 5.000 trái phiếu |
| 10. Tổng số tiền thu được từ việc phát hành: | 500.000.000.000 VND |

3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được lập bằng đồng Việt Nam (VND).

4. Cơ sở lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được lập theo yêu cầu công bố thông tin phù hợp với quy định tại các văn bản pháp luật sau (sau đây gọi tắt là "Văn bản pháp luật"):

- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nghị định số 65/2022/NĐ-CP ngày 16 tháng 09 năm 2022 của Chính phủ về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;

Công ty Cổ phần Xây dựng và Năng lượng VCP

Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- ▶ Nghị định số 08/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung và ngưng hiệu lực thi hành một số điều tại các Nghị định quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- ▶ Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được lập phù hợp theo mẫu 3.4. Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ tại Phụ lục III kèm theo Thông tư số 76/2024/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được được lập dựa trên số tiền Công ty thực thu từ việc phát hành trái phiếu và số tiền đã được giải ngân thực tế để sử dụng cho mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu nêu trên. Trong đó:

- ▶ Số tiền Công ty thu được từ các đợt phát hành trái phiếu nêu trên được hạch toán ghi nhận vào nguồn vốn của Công ty theo số tiền thu thực tế;
- ▶ Số tiền chi từ nguồn vốn huy động thu được từ các đợt phát hành trái phiếu nêu trên được ghi nhận theo số tiền giải ngân thực tế cho hoạt động đầu tư theo mục đích trong Bản công bố thông tin phát hành trái phiếu riêng lẻ ngày 17/12/2025.

5. Mục đích sử dụng báo cáo

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được của Công ty được lập và chỉ sử dụng để báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt phát hành trái phiếu đối với trái phiếu còn dư nợ theo Quyết định về phương án phát hành trái phiếu.

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được này được lập để giúp Công ty đáp ứng yêu cầu của "Văn bản pháp luật". Do đó, báo cáo này có thể không phù hợp để sử dụng vào mục đích khác.

6. Những sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được

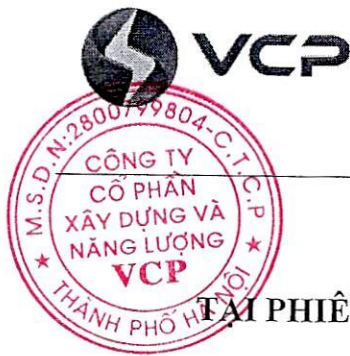
Không có các sự kiện nào xảy ra sau ngày lập báo cáo đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được này.



Phạm Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Văn Bình
Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NĂNG LƯỢNG VCP

Tầng 19, toà nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, P. Láng, TP. Hà Nội

Website: vcpholdings.com.vn

PHIẾU ĐĂNG KÝ THẢO LUẬN
TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
(Ngày 11 tháng 5 năm 2026)

Nội dung câu hỏi/ ý kiến thảo luận:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CỔ ĐÔNG/ ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Trường hợp nội dung câu hỏi nằm ngoài Chương trình Đại hội, hoặc không đủ thời gian để Chủ tọa trả lời tất cả câu hỏi của Cổ đông, Hội đồng Quản trị sẽ trả lời cổ đông thông qua: Gửi thư tay, email hoặc điện thoại